

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

Về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**
Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Đào** – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa:*
Bà **Nguyễn Mộng Đẹp**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 440/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và thông báo thay đổi ngày xét xử số 04/TB - TA ngày 14 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị N**, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt).
 - + Địa chỉ: Ấp 22, xã P, thị xã G, tỉnh B.
- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1999 (Vắng mặt)
 - + Địa chỉ: Ấp 19, xã P, thị xã G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Huỳnh Thị N trình bày:

Chị Huỳnh Thị N và anh Phạm Văn T chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh A. Quá trình chung sống thời gian đầu thì hạnh phúc, nhưng khi chị Ngọc mang thai 7 tháng thì anh Thân bỏ đi Bình Dương mà không nói tiếng nào, khi chị Ngọc sinh con thì anh Thân có về thăm mấy ngày, sau đó anh Thân về cha mẹ ruột ở ấp 17, xã Phong Tân, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu để sinh sống từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, anh Thân không còn quan tâm đến vợ con. Vì vậy, chị Huỳnh Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đối với anh Phạm Văn T:

Về hôn nhân chị Huỳnh Thị N yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T. Về con chung Phạm Huỳnh Châu, sinh ngày 22/7/2020, chị Ngọc xin được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Thân cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn T:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Thân theo quy định của pháp luật, nhưng anh Thân vắng mặt nên Tòa án không thể làm việc được với anh Thân tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T theo quy định tại Điều 178, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến phát biểu tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với anh Phạm Văn T Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để xét xử vắng mặt anh Thân là đúng theo quy định tại Điều 178, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Huỳnh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Ngọc là đúng theo Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị N xin đối với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Huỳnh Châu cho chị Ngọc nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Thân. Anh Thân không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom cháu Phạm Huỳnh Châu, không ai có quyền ngăn cản.

Về quan hệ tài sản: Chị Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án có đủ căn cứ nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Phạm Văn T theo quy định của pháp luật, nhưng anh Thân cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể làm việc được với anh Thân. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Phạm Văn Thân theo quy định tại các Điều 178, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị Huỳnh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2019, chị Huỳnh Thị N và anh Phạm Văn T tự nguyện sống chung vợ chồng với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh A, do đó hôn nhân của chị Huỳnh Thị N và anh Phạm Văn T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình có hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Quá trình xác minh phía gia đình anh Thân cho biết anh Thân hiện tại không sống chung với chị Ngọc, quá trình chung sống vợ chồng với chị Ngọc, anh Thân là người ở rể, có nhiều mâu thuẫn với bên vợ nên không thể sống chung với bên vợ được, đối với yêu cầu ly hôn của chị Ngọc thì phía gia đình anh Thân cũng như ý của anh Thân cũng đồng ý. Từ đó cho thấy rằng mâu thuẫn gia đình chị Ngọc và anh Thân là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh chị không thực hiện được. Do đó, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị N đối với anh Phạm Văn T.

[2.2] Về con chung: Tên Phạm Huỳnh Châu, sinh ngày 22/7/2020, hiện tại cháu Châu còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, đang sống chung với chị Ngọc. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Phạm Huỳnh Châu cho chị Huỳnh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn T do chị Ngọc tự nguyện không yêu cầu, anh Thân không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 178; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 3, Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; tiểu mục 1.1, mục 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị N đối với bị đơn anh Phạm Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Phạm Huỳnh Châu, sinh ngày 22/7/2020 cho chị Huỳnh Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn T. Anh Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị N phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Ngọc đã dự nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001989 ngày 02/10/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai sẽ được chuyển thu án phí.

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- UBND xã Phong Thạnh A;
- Lưu hồ sơ.

**TM- HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phai

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ Tòa phiên tòa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Nội nhĩan:
TÒA

- TAND Tænh Bạc Liêu;
- VKSND cuỡng caáp;
- Chi cộc THADS cùng cấp;
- Ñõông sự;
- UBND xã Phong Thạnh;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn

Phai

Án sử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt biết thời hạn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA

Hướng dẫn:

Chị Võ Thị Ngân, Chị Võ Thị Giang, Anh Trần Văn Sơn cùng đứng đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Sơn với lý do đất thực tế là chị Ngân 4 công tầm cây và anh Sơn là 9 công tầm cây, đã canh tác riêng, xác định tài sản riêng từ trước khi anh Sơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (đương sự nêu rõ vì sao đất riêng nhưng để anh Sơn đứng tên). Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai là cơ quan cấp giấy điều chỉnh lại giấy chứng nhận cho đúng thực tế chủ sở hữu.

Nếu Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai giải quyết bác đơn của đương sự, không điều chỉnh lại giấy thì khởi kiện hành chính, kiện Ủy ban, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Sơn, nộp tại tòa án tỉnh Bạc Liêu.

Các vị hội thẩm nhân dân

Chủ Tọa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: /2015/HNGĐ

Ngày: 02/07/2015

“V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Oanh***

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Thạch Vũ

2/ Bà Nguyễn Thanh Nghiệm

** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Lê Khắc Hải**

Ngày 02 tháng 07 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2015/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 06 năm 2015 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2015/QĐXX - HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2015 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khánh Ly, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Gành Hào, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Đỗ Thị Xuyên, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Giá Rai, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai anh Nguyễn Khánh Ly trình bày: Anh sống chung với cô Xuyên như vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Huân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, quá trình chung sống anh chị có với nhau 01 đứa con chung tên Nguyễn Khánh Băng sinh ngày 15/04/2006, về tài sản chung vợ chồng không có, lý do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần gia đình hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đã ly thân từ năm 2010 đến nay, quá trình ly thân không ai đến thăm ai.

- Nay yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về quan hệ vợ chồng: Xin được ly hôn với cô Đỗ Thị Xuyên.
- Về quan hệ con chung : Đồng ý giao con cho vợ nuôi, xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.
- Về quan hệ tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đỗ Thị Xuyên trình bày: Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày của anh Ly về quan hệ vợ chồng, quan hệ con cái, quan hệ tài sản là đúng.

Nay anh Ly xin ly hôn chị đồng ý ly hôn với anh Ly, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con, tài sản không có không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Khánh Ly và chị Đỗ Thị Xuyên đều thừa nhận anh và chị sống từ năm 2005, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài anh chị đã ly thân từ năm 2010 đến nay, quá trình ly thân không ai đến thăm nom ai. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Ly tiếp tục xin ly hôn với chị Xuyên, về phía chị Xuyên anh thống nhất và đồng ý ly hôn với anh Ly. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đến ngày xét xử vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Khánh Ly và chị Đỗ Thị Xuyên.

- Về quan hệ con chung: Anh Ly và chị Xuyên tự nguyện, thỏa thuận thống nhất giao người con chung, tên Nguyễn Khánh Băng, sinh ngày 15/04/2006 cho chị Xuyên tiếp tục nuôi con, do chị Xuyên không yêu cầu cấp dưỡng, nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Ly. Chị Xuyên phải tạo điều kiện cho anh Ly đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Khánh Ly phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lý nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Khánh Ly và chị Đỗ Thị Xuyên.

2/ Về quan hệ con chung: Giao đứa con tên Nguyễn Khánh Bằng, sinh ngày 15/04/2006, cho chị Đỗ Thị Xuyên tiếp tục nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Khánh Ly vì chị Xuyên không yêu cầu. Chị Xuyên phải tạo điều kiện cho anh Ly **đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản**

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc anh Nguyễn Khánh Ly phải nộp 200.000đ, nhưng anh đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005514 ngày 02/06/2015 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Các vị hội thẩm nhân dân

Chủ Tọa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2015/HNGĐ

Ngày: 07/05/2015

“V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Oanh***

**** Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Thạch Vũ

2/ Bà Cao Thị Mỹ Phượng

**** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải***

Ngày 07 tháng 05 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2015/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2015 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2015/QĐXX - HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2015 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tím, sinh năm 1978**

Địa chỉ: Ấp 11, xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

*** Bị đơn: Anh Mai Văn Tám, sinh năm 1968**

Địa chỉ: Ấp 11, xã Phong Thạnh Đông, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai chị Trần Thị Tím trình bày: Chị và anh Mai Văn Tám chung sống với nhau vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 05 đứa con chung, hai đứa đã trưởng thành còn lại 03 đứa chưa trưởng thành tên Mai Thanh Thảo, sinh ngày 19/03/2001, Mai Hoài Linh, sinh ngày 20/02/2004 và Mai Thị Yến Nhi, sinh ngày 30/01/2006. Con theo ai người đó nuôi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến sống không hạnh phúc nên tôi xin ly hôn với chồng tên Mai Văn Tám.

- Anh Mai Văn Tám trình bày: Thời gian chung sống như vợ tôi trình bày là đúng, vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 05 đứa con, hai đứa đã trưởng thành còn lại 03 đứa chưa trưởng thành tên Mai Thanh Thảo, sinh ngày 19/03/2001. Mai Hoài Linh, sinh ngày 20/02/2004; Mai Thị Yến Nhi, sinh ngày 30/01/2006, Con theo ai người đó nuôi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến sống không hạnh phúc nên tôi đồng ý xin ly hôn với vợ tên Trần Thị Tím.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Tím và anh Mai Văn Tám đều thừa nhận chị và anh sống từ năm 1989, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Tím tiếp tục xin ly hôn với anh Tám, về phía anh Tám anh thống nhất và đồng ý ly hôn với chị Tím. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đến ngày xét xử vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Tím và anh Mai Văn Tám.

- Về quan hệ con chung: Chị Tím và anh Tám thừa nhận anh chị chung sống với nhau có 05 người con chung, hai đứa đã trưởng thành còn lại 03 đứa chưa trưởng thành tên: Mai Thanh Thảo, sinh ngày 19/03/2001, Mai Hoài Linh, sinh ngày 20/02/2004; Mai Thị Yến Nhi, sinh ngày 30/01/2006. Con theo ai người đó nuôi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trần Thị Tím phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Tím và anh Mai Văn Tám.

2/ Về quan hệ con chung: hai đứa đã trưởng thành không đặt ra xem xét; còn lại 03 đứa chưa trưởng thành giao 02 đứa con Mai Thị Yến Nhi, sinh ngày 30/01/2006 và Mai Thanh Thảo, sinh ngày 19/03/2001. cho chị Trần Thị Tím nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Mai Văn Tám vì chị Tím không yêu cầu. Giao đứa con tên Mai Hoài Linh, sinh ngày 20/02/2004 cho anh Tám nuôi dưỡng giáo dục, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Tím vì anh Tám không yêu cầu, chị Tím, anh Tám không trực tiếp nuôi con **có quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản**

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc chị Trần Thị Tím phải nộp 200.000đ, nhưng chị đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005447 ngày 16/04/2015 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Các vị hội thẩm nhân dân

Chủ Tọa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số:04/2015/HNGĐ

Ngày: 19/03/2015

“V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn***

**** Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Thạch Vũ

2/ Ông Nguyễn Thanh Lẹ

** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải*

Ngày 19 tháng 03 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2014/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2014 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2015/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2015 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Tô Mỹ Xuyên**, sinh ngày 10/10/1992

Địa chỉ: Ấp 10, xã Tân Phong, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí Tịnh**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp 10, xã Tân Phong, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai chị Tô Mỹ Xuyên trình bày: chị sống chung với anh Nguyễn Chí Tịnh như vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong, sống chung với nhau có 01 người con chung tên Nguyễn Minh Thái sinh ngày 30/08/2011, hiện cong sống với gia đình chồng, quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đem lại kết quả, nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, thời gian ly chúng tôi không ai đến thăm nom ai, tôi thấy mục đích hôn nhân không đặt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ chồng xin được ly hôn với anh Nguyễn Chí Tịnh.

Về quan hệ con chung: Con tên Nguyễn Minh Thái sinh ngày 30/08/2011, hiện cong sống với gia đình chồng, đồng ý để chồng nuôi con, xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Anh Nguyễn Chí Tịnh quá trình Tòa án thụ lý hồ sơ vụ kiện đến khi Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử, Tòa án đã cử thư ký trực tiếp tổng đạt các văn bản theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định cho anh Tịnh, anh Tịnh đều trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án nhưng anh không kết hợp cùng Tòa án để giải quyết vụ kiện, xong anh cũng không có ý kiến gì.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Tô Mỹ Xuyên và anh Nguyễn Chí Tịnh chung sống với nhau từ năm 2010, trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phong, Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên anh chị đã tự ly thân từ năm 2012 đến nay, thời gian ly thân không ai đến thăm nom ai, Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Xuyên tiếp tục xin ly hôn với anh Tịnh, về phía anh Tịnh Tòa án thụ lý hồ sơ vụ kiện đến khi Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử, Tòa án đã cử thư ký trực tiếp tổng đạt các văn bản theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định cho anh Tịnh, anh Tịnh đều trực tiếp nhận các văn bản của Tòa án nhưng anh không kết hợp cùng Tòa án để giải quyết vụ kiện, xong anh cũng không có ý kiến gì.

- Về quan hệ con chung: chị Tô Mỹ Xuyên và anh Nguyễn Chí Tịnh sống với nhau có 01 người con chung tên **tên Nguyễn Minh Thái** sinh ngày **30/08/2011**, hiện đang sống với anh Tịnh

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị chưa có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Tô Mỹ Xuyên phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33, điều 199 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu cầu chị Tô Mỹ Xuyên được ly hôn với anh Nguyễn Chí Tịnh.

2/ Về quan hệ con chung: chấp nhận theo sự tự nguyện của chị Xuyên tiếp tục để cháu **Nguyễn Minh Thái** sinh ngày **30/08/2011** cho anh Tịnh nuôi dưỡng, miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Xuyên, chị Xuyên không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc chị Tô Mỹ Xuyên phải nộp 200.000đ, nhưng chị đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005269 ngày 31/10/2014 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Các vị hội thẩm nhân dân

Chủ Tọa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Bản án số:04/2015/HNGĐ

Ngày: 19/03/2015

“V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn**

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Thạch Vũ

2/ Ông Nguyễn Thanh Lẹ

*** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải**

Ngày 19 tháng 03 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2015/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2015 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định hoãn phiên tòa xét xử số: 07/2015/QĐHPT - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2015 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Châu Hoàng Út, sinh ngày 30/04/1975**

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Phong, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

*** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Triều, sinh ngày 08/1/1975**

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Phong, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai anh Châu Hoàng Út trình bày: **anh sống chung với chị Nguyễn Thị Triều như vợ chồng vào năm 1997, không đăng ký kết hôn, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn, sống chung với nhau có 02 người con chung tên**

Châu Nguyễn Lê Khánh Băng sinh ngày 08/11/1997

Châu Nguyễn Lê Khánh Phong sinh ngày 28/02/2000

**Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết
Về con chung yêu cầu được nuôi, không yêu cầu vợ cấp dưỡng.**

Lý do mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn được.

Chị Nguyễn Thị Triều trình bày trong hồ sơ: chị thống nhất toàn bộ lời trình bày của Châu Văn Út, về quan hệ vợ chồng, về quan hệ con cái, quan hệ tài sản.

Nay anh Út yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn cùng anh Út, về con theo ai người đó nuôi, về quan hệ tài sản không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Châu Hoàng Út và chị Nguyễn Thị Triều đều thừa nhận chị và anh sống từ năm 1987, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Út tiếp tục xin ly hôn với chị Triều, về phía chị Triều tuy vắng mặt tại phiên Tòa, nhưng chị có lời khai là đồng ý ly hôn với anh Út. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đến ngày xét xử vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Châu Hoàng Út và chị Nguyễn Thị Triều.

- Về quan hệ con chung: anh Nguyễn Hoàng Út và chị Nguyễn Thị Triều thừa nhận anh, chị có 02 người con chung tên **Châu Nguyễn Lê Khánh Băng sinh ngày 08/11/1997, Châu Nguyễn Lê Khánh Phong sinh ngày 28/02/2000**, hiện đang sống với anh Út

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị chưa có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Châu Hoàng Út phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53, điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Châu Hoàng Út và chị Nguyễn Thị Triều.

2/ Về quan hệ con chung: giao 02 đứa con chung tên **Châu Nguyễn Lê Khánh Bằng** sinh ngày 08/11/1997, **Châu Nguyễn Lê Khánh Phong** sinh ngày 28/02/2000, cho anh Út tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng anh Út không yêu cầu, miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Triều, chị Triều không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc Châu Hoàng Út phải nộp 200.000đ, nhưng anh đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005351 ngày 16/01/2015 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Các vị hội thẩm nhân dân

Chủ Tọa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số:04/2015/HNGĐ

Ngày: 26/01/2015

“V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn**

*** Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Thạch Vũ

2/ Bà Cao Thị Mỹ Phượng

*** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải**

Ngày 26 tháng 01 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2014/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2014 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2014/QĐXX - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2014 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Ca Thị Vàng, sinh năm 1967**

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Anh **Trần Văn Nguyên** , sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp 3, xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai chị Ca Thị vàng trình bày: Chị và anh Trần Văn Nguyên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, không đăng ký kết hôn.và đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh, chị có với nhau 02 người con chung, đã chết 01 người còn một người tên Trần Công Dân sinh năm 1991, đã đủ tuổi trưởng thành hiện đang sống với chị, về tài sản chung và nợ anh chị không có nên không yêu cầu giải quyết, trong lúc chung sống hai người thường bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đem lại kết quả, bởi anh Nguyên không lo làm ăn, chỉ thích rượu chè xong về nhà hành hạ vợ con đã nhiều lần gây thương tích, du nhiều lần tha thứ nhưng anh Nguyên vẫn không thay đổi bản tính, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn Nguyên. Về con tên Trần Công Dân sinh năm 1991, hiện nay con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ : anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong hồ sơ anh Trần Văn Nguyên trình bày: Anh thống nhất toàn bộ nội dung lời trình bày của chị Ca Thị Vàng là đúng, anh sống với chị Vàng vào năm 1988, không đăng ký kết hôn, có 02 người con chung đã chết 1, còn 01 tên Trần Công Dân sinh năm 1991, tài sản chung và nợ anh chị không có. Anh thường ăn nhậu là do không có việc làm. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Ca Thị Vàng, về con đã đủ tuổi trưởng thành sống tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản và nợ không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

XÉT THẤY

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Ca Thị vàng và anh Trần Văn Nguyên đều thừa nhận chị và anh sống từ năm 1988, trên tinh thần tự nguyện nhưng không đăng

ký kết hôn, và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần, nhưng mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Vàng tiếp tục xin ly hôn với anh Nguyên, về phía anh Nguyên tuy vắng mặt tại phiên Tòa, nhưng anh có lời khai là đồng ý ly hôn với chị Vàng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy anh chị đến ngày xét xử vẫn chưa đăng ký kết hôn, nên căn cứ vào điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ca Thị Vàng và anh Trần Văn Nguyên.

- Về quan hệ con chung: Chị Vàng và anh Nguyên thừa nhận hiện tại còn 01 người con, tên Trần Công Dân, sinh năm 1991, hiện đang sống với chị Vàng hiện tại anh Dân đã trưởng thành có thể sống tự lập được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản và nợ : anh chị chưa có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Ca Thị Vàng phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lý nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 33 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ca Thị Vàng và anh Trần Văn Nguyên.

2/ Về quan hệ con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

3/ Về quan hệ tài sản và nợ: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc chị Ca Thị Vàng phải nộp 200.000đ, nhưng chị đã dự nộp 200.000đ, tại biên lai thu số 005314 ngày

19/12/2014 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Các vị hội thẩm nhân dân

Chủ Tọa

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 02/2015/HNGĐ

Ngày: 08/01/2015

“V/v tranh chấp Hôn nhân & Gia đình”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn*

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Thạch Vũ

2/ Ông Nguyễn Kiên Hùng

** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải*

Ngày 08 tháng 01 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2014/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2014/QĐXX - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2014 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: **Chị Đỗ Hồng Muội**, sinh năm 1995*

Địa chỉ: Ấp 25, xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

** Bị đơn: **Anh Lê Quốc Lĩnh**, sinh năm 1988*

Địa chỉ: Ấp 25, xã Phong Thạnh A, huyện Giá Rai. Tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai chị Đỗ Hồng Muội trình bày: Chị và anh Lê Quốc Lĩnh chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 25/12/2013, không đăng ký kết hôn.và đến nay cũng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh, chị có với nhau 01 người con chung, anh chị thống nhất đặt tên con là Lê Quốc Hào sinh ngày 15/09/2014,do chỉ mới có giấy chứng sinh chưa có giấy khai sinh. về tài sản chung của hai vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn, nhưng không đem lại kết quả, bởi anh Lĩnh không lo làm ăn, chỉ thích đá gà, đánh bài, du nhiều lần tha thứ nhưng anh Lĩnh vẫn không thay đổi bản tính, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Về quan hệ vợ chồng chị yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Quốc Lĩnh, về con tên Lê Quốc Hào sinh ngày 15/09/2014, chị yêu cầu được

nuôi con, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong hồ sơ và tại phiên Tòa anh Lê Quốc Lĩnh trình bày: Anh thống nhất toàn bộ nội dung lời trình bày của chị Đỗ Hồng Muội là đúng, anh sống với chị Muội vào ngày 25/12/2013, không đăng ký kết hôn, có 01 người con chung anh, chị thống nhất đặt tên con là Lê Quốc Hào sinh ngày 15/09/2014, hiện chị Muội nuôi con, tài sản chung của hai vợ chồng không có. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Đỗ Hồng Muội, về con đồng ý giao con tên Lê Quốc Hào cho chị Muội nuôi dưỡng, xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Chị Đỗ Hồng Muội và anh Lê Quốc Lĩnh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến nay, không đăng ký kết hôn. Nhà nước khuyến khích nam nữ đang chung sống với nhau phải đăng ký kết hôn nhưng chị Muội và anh Lĩnh đã chung sống như vợ chồng mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Theo Nghị quyết số 35 của Quốc hội năm 2000 quy định: Trường hợp nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 trở về sau mà không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Căn cứ vào Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định trường hợp nam nữ sống chung không đăng ký kết hôn khi có yêu cầu ly hôn thì không được công nhận có quan hệ vợ chồng. Do đó HĐXX không xử cho ly hôn hay bác đơn ly hôn mà xử không công nhận anh chị có quan hệ vợ chồng.

- Về con: Chị Muội và anh Lĩnh thống nhất có 01 đứa con chung anh chị thống nhất đặt tên là Lê Quốc Hào, sinh ngày 15/09/2014, do chỉ mới có giấy chứng sinh chưa có giấy khai sinh. anh Lĩnh đồng ý giao cho chị Muội nuôi dưỡng, anh Lĩnh yêu cầu tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con, chị Muội không yêu cầu anh Lĩnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Hai bên thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân: chị Đỗ Hồng Muội phải nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 điều 53, điều 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận giữa chị Đỗ Hồng Muội và anh Lê Quốc Lĩnh có quan hệ vợ chồng.

2/ Về quan hệ con cái: giao chị Đỗ Hồng Muội tiếp tục nuôi con tên Lê Quốc Hào, sinh ngày 15/09/2014, tạm đặt tên con chưa có giấy khai sinh. tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Quốc Lĩnh, anh Lĩnh không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con không ai được ngăn cản.

3/ Về tài sản: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân chị Đỗ Hồng Muội phải nộp 200.000đ, chị đã dự nộp 200.000đ ngày 22/12/2014 biên lai thu số 005315 tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Các vị hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

TOÀA AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIEÄT NAM

**HUYEÄN GIAÙ RAI
PHUÙC**

COÄNG HOØA XÃ HOÃI CHUÙ

ÑOÁC LAÄP - TÖÏ DO - HAÏNH

NHÂN DANH

³²
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

TÆNH BAÏC LIEAU

Baùn àun soá: / DSST

Ngaoý: 27/03/2011

Tranh chaáp hợp ðồng nợ hui

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Quách Thanh Tôn**

Các hội thẩm nhân dân:

1/- **Nguyễn Thanh Nghiêµ**

2/- **Thạch Vũ**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Khắc Hải** Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Địa diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giá Rai : ông Triệu Đăng Khoa
kiểm sát viên viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 02 năm 2015, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2015/TLST – DS ngày 17 tháng 10
năm 2015 về tranh chấp “hợp ðồng nợ hui” theo quyết ðịnh hoãn phiên Tòa số:
02/2015/ QĐHPT ngày 29 tháng 01 năm 2015 giữa các đương sự:

* Nguyên ðơn: Chị **Nguyễn Bích Diêµ** Sinh năm 1985

- Địa chỉ: ấp 17, xã Phong Tân, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

* Bị ðơn: Anh **Lưu Văn Tì** Sinh năm 1972

Chị **Phạm Thị Kiêµ** sinh năm 1980

- Cùng địa chỉ: Ấp 17, xã Phong Tân, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu
(Nguyên ðơn có mặt, bị ðơn vắng mặt)

NHẬN THẤY

Theo ðơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Kiêµ Diêµ trình bày: Vào ngày
06/10/2012 chị có mở 01 dây hui, loại hui 3.000.000đ, dây hui có 13 chung, 120
ngày khui một lần, khui theo mùa lúa, anh Tì tham gia 01 chung, hui chết 2
chung thì anh Tì hót tổng số tiền là 17.450.000đ, anh Tì ðã ðóng hui chết ðược
1 lần số tiền là 3.000.000đ, từ ðó ðến nay anh Tì không ðóng nữa, tôi ðã nhiều
lần yêu cầu anh Tì thanh toán tiền hui, nhưng anh Tì không ðóng mà còn thách
thức ði thưa.

Nay chị Diêµ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tì trả bà số tiền
14.450.000đ và yêu cầu tính lãi giai ðoạn thi hành án.

Anh Lưu Văn Tì trình bày: từ trước ðến nay anh chưa lần nào tham gia
chơi hui của chị Nguyễn Kiêµ Diêµ, nên việc chị Diêµ yêu cầu anh trả số tiền

17.450.000đ là anh không đồng ý, do anh không có nợ chị Diễm khoản tiền trên, còn số tiền chị Diễm cho rằng anh đã đóng 1 lần hội chết là 3.000.000đ là không đúng, mà trước đó anh đã nhiều lần vay tiền của chị Diễm để ăn chơi vợ anh không hề hay biết, anh đã trả cho chị Diễm xong, nhưng chị Diễm đến nhà gặp vợ anh nói là anh còn nợ 3.000.000đ, vợ anh đã đồng ý trả cho chị Diễm, và đã trả làm 02 lần; lần 1.000.000đ và lần 2.000.000đ, chứ không phải đóng hội chết như chị Diễm trình bày.

Chị Phạm Thị Kiều trình bày: từ trước đến nay vợ chồng chị chưa lần nào tham gia chơi hội của chị Nguyễn Kiều Diễm, nên việc chị Diễm kiện chị yêu cầu thanh toán số nợ hội 17.450.000đ là chị không đồng ý, còn việc anh Tia chồng chị vay tiền của chị Diễm để ăn chơi thì chị biết, việc vay tiền của anh Tia cách nay đã hai năm nhưng đến hồi đầu năm chị Diễm đến nhà gặp chị nói là anh Tia còn nợ chị 3.000.000đ tiền vốn không tính lãi nên chị đã đồng ý trả cho chị Diễm và chị đã trả cho chị Diễm làm 2 lần là 3.000.000đ

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định: việc tranh chấp nợ hội giữa chị Nguyễn Bích Diễm và anh Lưu Văn Tia là có xảy ra trên thực tế, bởi lẽ theo lời trình bày của chị Diễm vào năm 2012 chị có mở một dây hội, loại hội 3.000.000đ, khai theo mùa lúa 4 tháng khu một lần. dây hội có 13 chung, trong đó anh Tia có tham gia 01 chung, khi hội chết hai lần, thứ 3 anh Tia bỏ 1.550.000đ anh Tia hót với số tiền là 17.450.000đ, sau đó anh Tia đã đóng được một lần hội chết cho đến nay không đó nữa, dù chị đã nhiều lần yêu cầu, xét thấy lời trình bày của chị Diễm là có cơ sở để HĐXX chấp nhận bởi lẽ qua biên bản xác minh của những người cùng tham gia chơi hội với anh Tia lời trình bày của những người này phù hợp với lời trình bày của chị Diễm.

Xét về lời trình bày của anh Lưu Văn Tia và chị Phạm Thị Kiều, anh chị cho rằng anh chị không tham gia chơi hội của chị Diễm, nhưng anh có vay tiền của chị Diễm nhiều lần nhưng đã trả xong, anh chị xác định là đã trả xong nhưng sau đó chị Diễm đến nhà đòi tiền anh chị vẫn tiếp tục trả 3.000.000đ, anh chị cho rằng số tiền này là tiền anh Tia nợ tiền vốn, nhưng số tiền này đúng bằng số tiền của một chung hội chết, do đó lời nại ra của anh Tia là không được chấp nhận. Bởi lẽ, qua xác minh bà Nguyễn Thúy Kiều, bà Nguyễn Thị Thoảng, bà Võ Thị Xứng và ông Trương Văn Khương là những người chơi hội chung với ông Lưu Văn Tia thì họ đều khẳng định ông Tia có tham gia chơi hội mùa do bà Diễm làm chủ, loại hội 3.000.000 đồng, số lượng là 1 chung, ông Tia đã hót hội lần thứ 2, bỏ hội số tiền 1.550.000 đồng. Như vậy, có thể tính như sau :

Ông Tia bỏ hội 1.550.000 đồng nên ông hót hội được số tiền 1.450.000 đồng x 11 chung = 15.950.000 đồng + 3.000.000đồng của chung hội chết, tổng cộng là 18.950.000đ ; nhưng tại phiên Tòa hôm nay chị Diễm thừa nhận đã nhận

từ anh Tia tiền đầu thảo 1.500.000đ, nên số tiền hội ông Tia thực nhận là 17.450.000đ, bà Diễm xác định ông Tia đã trả được số tiền 3.000.000 đồng nên ông Tia tiếp tục có nghĩa vụ trả cho bà Diễm số tiền 14.450.000đ.

Từ những nhận định trên cần buộc anh Lưu Văn Tia và chị Phạm Thị Kiều có nghĩa vụ trả chị Diễm số tiền nợ hội là 14.450.000đ là có cơ sở

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Lưu Văn Tia và chị Phạm Thị Kiều phải nộp 722.500đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giá Rai. Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 360.000đ lai thu số 005255 ngày 17/10/2014 của chị Diễm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; Điều 479 BLDS; Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về hội và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều Diễm đối với anh Lưu Văn Tia và chị Phạm Thị Kiều về hợp đồng nợ hội.

Buộc anh Lưu Văn Tia và chị Phạm Thị Kiều có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Kiều Diễm số tiền nợ hội là 14.450.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản theo Ngân hàng Nhà nước qui định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự

Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Lưu Văn Tia và chị Phạm Thị Kiều phải nộp 722.500đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giá Rai. Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 360.000đ lai thu số 005255 ngày 17/10/2014 của chị Nguyễn Kiều Diễm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

TM- HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÕU

Nội nhấn :
chuû toĩa

Thaảm phaùn –

Toøa àùn Tænh
VKS cuøng caáp
Thi haønh àùn
Ñông số

TOØA AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIỆT NAM

COÄNG HOØA XÃ HOÀI CHUÛ

Baùn àun soá: 12/ DSST
Ngaoý: 25/05/2011
Thuï lyù soá: 42/DSST
Ngaoý: 10/05/2011
Tranh chaáp hợp ãng vay tài sản

NHÂN DANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tài**

Các hội thẩm nhân dân:

1/- **Trương Thị Hương**

2/- **Thạch Vũ**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Khắc Hải** Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 25 tháng 05 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2011/TLST – DS ngày 10 tháng 05
năm 2011 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản ” theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 18/2011/ QĐST – DS ngày 04 tháng 05 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Châu Ngọc Thắm**

Sinh năm 1965

- Địa chỉ: ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu

* Bị đơn: chị **Nguyễn Thị Phụng**

Sinh năm 1973

- Địa chỉ: Ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chi Châu Ngọc Thắm trình bày: vào ngày
14/05/2010(AL) chị Thắm cho chị Phụng vay số tiền 20.000.000đ, đến
27/05/2010 chị Thắm cho chị Phụng vay thêm 15.000.000đ, tổng cộng hai
kh khoản là 35.000.000đ, lãi xuất hai bên thỏa thuận 6%/tháng, khi vay hai bên
thỏa thuận sau 30 ngày sẽ trả vốn và lãi, việc vay mượn không làm giấy tờ, có
nhiều người biết. từ khi vay đến nay chị đã nhận được 3 tháng lãi của chị
Phụng, vốn còn nguyên, nhưng khi đến hạn chị Phụng không trả vốn và lãi,
chị đã nhiều lần yêu cầu chị Phụng thanh toán, nhưng chị Phụng vẫn không
thực hiện, nên chị đã nhờ đến chính quyền địa phương yêu cầu giải quyết.

Nay chị Thẩm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phụng trả chị 35.000.000đ tiền vốn, yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận từ khi giao dịch đến nay là 13.500.000đ, tổng cộng là 48.500.000đ, và yêu cầu tính lãi ở giai đoạn thi hành án.

Chị Nguyễn Thị Phụng trình bày: Vào tháng 1/2010 chị Phụng có vay của chị Thẩm số tiền 10.000.000đ, tháng 3/2010 chị Phụng vay thêm của chị Thẩm 10.000.000đ, đến tháng 5/2010 chị Phụng mượn của chị Thẩm 15.000.000đ tổng cộng chị Phụng vay của chị Thẩm 35.000.000đ tiền vốn, lãi xuất hai bên thỏa thuận 6%/tháng, thỏa thuận sau 3 tháng sẽ trả vốn và lãi, việc vay mượn không làm giấy tờ, không ai biết, từ khi vay đến nay chị đã đóng lãi được 8 tháng là 16.800.000đ, vốn còn nguyên, việc trả lãi không có giấy tờ gì hết. việc vay mượn là tự nguyện không ai ép buộc. phần lãi đã trả không có gì chứng minh, nên yêu cầu xem xét lại.

Chị Phụng thừa nhận chị còn nợ chị Thẩm 35.000.000đ tiền vốn, chị đồng ý trả nợ, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn không thể trả ngay một lần theo yêu cầu của chị Thẩm được, xin trả dần mỗi tháng 500.000đ đến khi hết nợ. xin bỏ phần lãi không trả lãi nữa, vì gia đình đang gặp khó khăn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền vay giữa chị Châu Ngọc Thẩm và chị Nguyễn Thị Phụng là có xảy ra trên thực tế do các bên cùng xác định trong tháng 05/2010 chị Thẩm cho chị Phụng vay hai lần với tổng số tiền là 35.000.000đ, lãi xuất hai bên thỏa thuận 6%/tháng, khi giao dịch hai bên thỏa thuận sau 30 ngày sẽ trả vốn và lãi, nhưng đến hạn chị Phụng không thực hiện nghĩa vụ của mình như đã cam kết, dù chị Thẩm đã rất nhiều lần yêu cầu chị Phụng trả nợ, chị Thẩm yêu cầu chị Phụng phải trả số tiền vốn 35.000.000đ, yêu cầu tính lãi của số tiền nợ từ ngày 30/09/2010, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Thẩm là một yêu cầu chính đáng, theo đúng tinh thần pháp luật đã quy định nên chấp nhận một phần yêu cầu của chị Thẩm.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Phụng chị thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Thẩm là đúng, vào năm 2010 chị có vay của chị Thẩm nhiều lần với tổng số tiền là 35.000.000đ tiền vốn, lãi xuất hai bên thỏa thuận là 6%/tháng, từ khi giao dịch đến nay chị đã đóng lãi cho chị Thẩm được 8 tháng tiền lãi, nhưng phần lãi chị đã đóng chị không yêu cầu xem xét lại, vốn còn nguyên, chị Phụng nại ra rằng do điều kiện gia đình gặp khó khăn không thể trả nợ theo yêu cầu của chị Thẩm được, mà xin trả dần mỗi tháng là 500.000đ đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi. HĐXX xét thấy lời nại ra của chị Phụng là

chưa thuyết phục được HĐXX và cũng không phù hợp theo tinh thần pháp luật đã quy định, cần buộc chị Nguyễn Thị Phượng có nghĩa vụ trả chị Châu Ngọc Thắm 35.000.000đ, tiền vốn và lãi được tính cụ thể từ ngày 30/09/2010 đến khi xét xử như sau : $35.000.000đ \times 7 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} \times 1.167\% = 3.199.000đ$

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Phượng phải nộp 1.909.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Thắm dự nộp 800.000đ lai thu số 001922 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 474, 476, BLDS

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Châu Ngọc Thắm đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phượng về tiền vay.

2/- **Buộc** : chị Nguyễn Thị Phượng có nghĩa vụ trả cho chị Châu Ngọc Thắm số tiền vay là 35.000.000đ tiền vốn, và 3.199.000đ tiền lãi

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị phải nộp 1.909.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Thắm dự nộp 800.000đ lai thu số 001922 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ

Nôi nhâu :

Thaảm phaùn –

chuû toïa

Toøa aùn Tænh

VKS cuøng caáp

Thi haønh aùn

Ñöông sö

TOØA AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIEÁT NAM

COÄNG HOØA XAÕ HOÀI CHUÛ

HUYEÄN GIAÙ RAI
PHUÙC

ÑOÄC LAÄP - TÖÏ DO - HAÏNH

TÆNH BAÏC LIEÄU

Baùn aùn soá: 13/ DSST

Ngaøy: 25/05/2011

Thuï lyù soá: 43/DSST

Ngaøy: 10/05/2011

Tranh chaáp hợp ñồng nợ hui

NHÂN DANH

ƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông *Nguyễn Văn Tài*

Các hội thẩm nhân dân:

1/- *Trương Thị Hương*

2/- *Thạch Vũ*

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông *Lê Khắc Hải* Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 25 tháng 05 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2011/TLST – DS ngày 10 tháng 05
năm 2011 về tranh chấp “hợp đồng nợ hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 19/2011/QĐST – DS ngày tháng 05 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Thu** Sinh năm 1976

- Địa chỉ: ấp Khúc Tréo B – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Phụng** Sinh năm

1973

- Địa chỉ: Ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chi Hồ Thị Thu trình bày: Vào ngày 01/04/2010 chị Thu làm chủ hội chị Phụng có tham gia chơi hội loại hội 2.000.000đ/chung, dây hội có 36 chung, 15 ngày khui một lần, chị Phụng tham gia 2 chung, chị Phụng đã hót đầu tiên với số tiền 58.290.000đ, đã đóng hội chết được 19.700.000đ, đến ngày 01/06/2010 với tổng số tiền là 60.150.000đ, đã đóng được 15.000.000đ. tổng cộng chị Phụng đã hót 2 chung hội với số tiền 118.440.000đ, đã đóng hội chết của hai dây là 37.200.000đ, chị Phụng còn nợ lại 2 dây hội là 50 lần với tổng số tiền là 100.000.000đ,

nay chị Thu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phụng trả chị 100.000.000đ tiền hội, yêu cầu thanh toán 1 lần tiền hội chết của hai dây hội, và yêu cầu tính lãi ở giai đoạn thi hành án.

Chị Nguyễn Thị Phụng trình bày: Vào ngày 01/04/2010 chị Phụng có tham gia chơi hội của chị Thu loại hội 2.000.000đ/Chung, dây hội có 36 chung, 15 ngày khui một lần, chị Phụng tham gia 02 chung, vào ngày 15/04/2010 chị Phụng hót chung đầu tiên 58.290.000đ, chị Phụng đã đóng hội chết 3 lần 6.000.000đ, đến ngày 15/06/2010 chị Phụng hót tiếp chung thứ 2 với số tiền 60.150.000đ, tổng cộng chị Phụng hót hai chung hội với số tiền 118.440.000đ, đã đóng hội chết của hai chung hội là 40.000.000đ,

Chị Phụng thừa nhận chị còn nợ chị Thu số tiền 81.240.000đ vốn, chị đồng ý trả, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn không thể trả ngay một lần theo yêu cầu của chị Thu được, hẹn lại khi nào mua bán được sẽ trả nợ cho chị Thu.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền hội giữa chị Hồ Thị Thu và chị Nguyễn Thị Phụng là có xảy ra trên thực tế. Các bên cùng xác định có 01 dây hội do chị Thu làm chủ Loại hội 2.000.000đ/chung, dây hội có 36 chung, chị Phụng tham gia 2 chung, 15 ngày khui một lần, chị Phụng là người hót đầu tiên với số tiền là 58.290.000đ, đến ngày 01/06/2010 chị Phụng hót tiếp chung thứ 2 với số tiền 60.150.000đ, tổng cả hai dây hội chị Phụng đã hót với số tiền 118.440.000đ, trong quá trình giao dịch chị Phụng đã đóng hội chết và hội sống được tổng cộng là 37.200.000đ, chị Thu yêu cầu chị Phụng phải trả số tiền còn lại là 81.240.000đ, tính lãi của số tiền nợ từ ngày 15/09/2010, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Thu là một yêu

cầu chính đáng, theo đúng tinh thần pháp luật đã quy định nên chấp nhận yêu cầu của chị Thu là phù hợp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Phụng chị thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Thu là đúng, chị có tham gia chơi hụi Loại hụi 2.000.000đ/chung, do chị Thu làm chủ dây hụi có 36 chung, chị Phụng tham gia 2 chung, 15 ngày khui một lần, chị Phụng đã hốt hết cả 2 chung với tổng số tiền 118.440.000đ, chị Phụng đã đóng hụi chết và hụi sống được tổng cộng là 37.200.000đ, số tiền còn lại là 81.240.000đ, nhưng chị Phụng nại ra rằng do điều kiện gia đình gặp khó khăn không thể trả nợ cho chị Thu được, mà hện khi nào mua bán được mới trả nợ cho chị Thu, HĐXX xét thấy lời nại ra của chị Phụng là không thể chấp nhận được bởi lẽ chị Phụng thừa nhận có nợ nhưng không thể hiện thiện trí trả nợ, nên cần buộc chị Phụng có nghĩa vụ trả chị Phụng 81.240.000đ tiền vốn và lãi được tính cụ thể từ ngày 15/09/2010 đến khi xét xử như sau : $81.240.000đ \times 8 \text{ tháng } 5 \text{ ngày} \times 1.167\% = 7.743.000đ$

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Phụng phải nộp 4.449.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Thu dự nộp 2.500.000đ lai thu số 001923 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 476, 479 BLDS; và điều 10, điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Thu đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phụng về tiền nợ hụi.

2/- **Buộc** : chị Nguyễn Thị Phụng có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Thu số tiền nợ hụi là 81.240.000đ, tiền vốn. 7.743.000đ tiền lãi

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị phải nộp 4.449.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Thu dự nộp 2.500.000đ lai thu số 001923 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ

Nội nhâu :

Thaảm phaùn –

chuû toïa

Toøa àùn Tænh

VKS cuøng caáp

Thi haønh àùn

Ñoøng sö

NGUYỄN VĂN TÀI

TOØA AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIEÄT NAM

COÄNG HOØA XAÕ HOÀI CHUÛ

HUYEÄN GIAÙ RAI
PHUÙC

ÑOÁC LAÏP - TÖÏ DO - HAÏNH

TÆNH BAÏC LIEÂU

Baùn àùn soá: 14/ DSST

Ngaøy: 25/05/2011

Thuï lyù soá: 44/DSST

Ngaøy: 10/05/2011

Tranh chaáp hợp ñồng nợ hui

NHÂN DANH

ƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thaảm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông *Nguyễn Văn Tài*

Các hội thaảm nhân dân:

1/- *Trương Thị Hương*

2/- *Thạch Vũ*

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Khắc Hải** Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 25 tháng 05 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2011/TLST – DS ngày 10 tháng 05
năm 2011 về tranh chấp “hợp đồng nợ hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 20/2011/QĐST – DS ngày tháng 05 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng - Địa chỉ: ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu	Sinh năm 1958
* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phụng 1973 - Địa chỉ: Ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - bạc Liêu (Nguyên đơn, bị đơn có mặt)	Sinh năm

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Thị Hồng trình bày: Vào ngày 20/05/2009 bà Hồng làm chủ hui chị Phụng có tham gia chơi hui loại hui 1.000.000đ/chung, dây hui có 38 chung, 15 ngày khui một lần, chị Phụng tham gia 1 chung, chị Phụng hốt đầu tiên với số tiền 28.440.000đ, dây hui này chị Phụng còn nợ lại chị Hồng 6.000.000đ.

Vào ngày 10/04/2010(AL) chị Phụng có chơi hui của chị Hồng loại hui 2.000.000đ/chung, dây hui có 32 chung, 30 ngày khui một lần, chị Phụng tham gia 01 chung, khui lần 2 chị Phụng hốt, 42.400.000đ, chị Phụng đã đóng hui sống 2 lần 2.820.000đ, đóng 2 lần hui chết 4.000.000đ. sau đó chị Phụng không đóng hui nữa, dù đã nhiều lần yêu cầu chị Phụng giải quyết, nhưng chị Phụng vẫn cố tính không thực hiện.

nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phụng trả chị 60.000.000đ tiền hui sống và tiền hui chết của hai dây hui, và yêu cầu tính lãi ở giai đoạn thi hành án.

Chị Nguyễn Thị Phụng trình bày: năm 2009 chị Phụng có chơi hui của chị Hồng loại hui 1.000.000đ/chung. dây hui này chị Phụng còn nợ chị Hồng 6.000.000đ, đến ngày 10/04/2010 chị Phụng có tham gia chơi hui của chị Hồng loại hui 2.000.000đ, dây hui có 32 chung, 30 ngày khui một lần, chị Phụng tham gia 01 chung, vào ngày 10/05/2010 chị Phụng hốt chung thứ 42.400.000đ, chị Phụng đã đóng hui chết 3 lần 6.000.000đ,

Chị Phụng thừa nhận chị còn nợ chị Hồng số tiền của hai dây hui là 42.400.000đ vốn, chị đồng ý trả, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn không thể trả ngay một lần theo yêu cầu của chị Hồng được, hẹn khi nào mua bán được sẽ trả nợ cho chị Hồng.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền hội giữa chị Nguyễn Thị Hồng và chị Nguyễn Thị Phượng là có xảy ra trên thực tế. bởi các bên cùng xác định có 02 dây hội do chị Hồng làm chủ Loại hội 1.000.000đ/chung, và 2.000.000đ/chung, chị Phượng đã hốt hết cả hai chung của hai dây hội, dây khu ngày 20/05/2009 chị Phượng đóng còn nợ lại 6.000.000đ. dây thứ hai khai ngày 10/04/2010 chị Phượng còn nợ lại với số tiền 42.400.000đ, nhưng sau đó chị Phượng đã thanh toán cho chị Hồng nhiều lần với số tiền là 6.000.000đ, chị Hồng yêu cầu chị Phượng thanh toán khoản tiền còn lại là 42.400.000đ. yêu cầu tính lãi từ ngày 15/09/2010 đến nay và ở giai đoạn thi hành án. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Hồng là một yêu cầu chính đáng, theo đúng tinh thần pháp luật đã quy định nên chấp nhận yêu cầu của chị Hồng là phù hợp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Phượng chị thừa nhận toàn bộ lời trình bày của chị Hồng là đúng, chị có tham gia chơi hội Loại hội 1.000.000đ/chung, và 2.000.000đ/chung, do chị Hồng làm chủ, dây hội khai ngày 20/05/2009 chị Phượng còn nợ lại 6.000.000đ. dây thứ hai khai ngày 10/04/2010 chị Phượng còn nợ 42.400.000đ, nhưng sau đó chị Phượng đã thanh toán cho chị Hồng với số tiền là 6.000.000đ, chị Phượng thừa nhận chị còn nợ chị Hồng 42.400.000đ. nhưng chị Phượng nại ra rằng do điều kiện gia đình gặp khó khăn không thể trả nợ cho chị Hồng được, mà hẹn khi nào mua bán được mới trả nợ cho chị Hồng, HĐXX xét thấy lời nại ra của chị Phượng là không thể chấp nhận được bởi lẽ chị Phượng thừa nhận có nợ nhưng không thể hiện thiện trí trả nợ, nên cần buộc chị Phượng có nghĩa vụ trả chị Hồng số tiền 42.400.000đ tiền vốn và lãi được tính cụ thể từ ngày 15/09/2010 đến khi xét xử như sau : $42.400.000đ \times 8 \text{ tháng } 5 \text{ ngày} \times 1.167\% = 4.040.000đ$

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Phượng phải nộp 2.322.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí của chị Hồng dự nộp 1.500.000đ lại thu số 001921 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 476, 479 BLDS; và điều 10, điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phụng về tiền nợ hui.

2/- **Buộc** : chị Nguyễn Thị Phụng có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng số tiền nợ hui là 42.400.000đ, tiền vốn. 4.040.000đ tiền lãi

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị phải nộp 2.322.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Hồng dự nộp 1.500.000đ lai thu số 001921 ngày 10 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÕU

Nội nhần :

Thaảm phaùn –

chuû toïa

Toøa àùn Tænh

VKS cuøng caáp

Thi haønh àùn

Ñoõng so

TOØA AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIỆT NAM

COÃNG HOØA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYEÃN GIAÙ RAI
PHUÙC

ÑOÃC LAÁP - TÕI DO - HAÏNH

TÆNH BAÏC LIEAU

Baùn àùn soá: 15/ DSST

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Ngaøy: 25/05/2011
Thuĩ lyù soá:45/DSST
Ngaøy: 11/05/2011
Tranh chaáp hợp ðồng nợ hụi

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông *Nguyễn Văn Tài*

Các hội thẩm nhân dân:

1/- *Trương Thị Hương*

2/- *Thạch Vũ*

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông *Lê Khắc Hải* Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 25 tháng 05 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2011/TLST – DS ngày 11 tháng 05
năm 2011 về tranh chấp “hợp đồng nợ hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 21/2011/ QĐST – DS ngày tháng 05 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Giả Văn Lượm** Sinh năm 1955

- Địa chỉ: ấp Ba Mến – An Trạch – Đông Hải - Bạc Liêu

* Bị đơn: chị **Nguyễn Thị Phụng** Sinh năm

1973

- Địa chỉ: Ấp 1 – Tân Phong – Giá Rai - bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Giả Văn Lượm trình bày: Vào ngày 30/08/2009 chị Phụng có làm chủ dây hụi loại hụi 1.000.000đ/chung, dây hụi có 26 chung , 15 ngày khai một lần, ông tham gia 2 chung, ông đã đóng mỗi chung 24 lần, lần cuối cùng vào ngày 15/08/2010 với số tiền là 43.800.000đ, sau đó cô Phụng bỏ trốn không trung tiền hụi cho ông, sau đó đã nhiều lần ông yêu cầu chị Phụng thanh toán tiền hụi cho ông, nhưng Chị Phụng cố tình không thực hiện, nên ông đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết.

nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phụng trả ông 48.000.000đ tiền hụi, yêu cầu thanh toán 1 lần và yêu cầu tính lãi từ khi giao dịch đến nay cũng như ở giai đoạn thi hành án.

Chị Nguyễn Thị Phụng trình bày: vào ngày 30/08/2009 chị Phụng có làm chủ hụi loại hụi 1.000.000đ/chung, dây hụi có 26 chung, 15 ngày khai một lần,

ông Lượm tham gia 02 chung, hai chung hụi của ông Lượm còn sống, ông Lượm đã đóng được 24 lần, hai chung hụi của ông Lượm là hai chung cuối, do chị Phượng bị bế nợ nên chị không có điều kiện để giao tiền hụi cho ông Lượm.

Chị Phượng thừa nhận chị còn nợ ông Lượm số tiền 36.990.000đ vốn, chị đồng ý trả, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn không thể trả ngay một lần theo yêu cầu của ông Lượm được, hẹn khi nào mua bán được sẽ trả nợ cho chị ông Lượm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp tiền hụi giữa ông Giả Văn Lượm và chị Nguyễn Thị Phượng là có xảy ra trên thực tế. bởi các bên cùng xác định có 01 dây hụi do chị Phượng làm chủ Loại hụi 1.000.000đ/chung, khai ngày 30/08/2009 kết thúc vào ngày 15/08/2010, số tiền vốn mà ông Lượm đóng cho chị Phượng trong quá trình chơi hụi là 36.990.000đ, ông Lượm yêu cầu chị Phượng thanh toán khoản tiền 36.990.000đ. yêu cầu tính lãi từ ngày 15/08/2010 đến nay và ở giai đoạn thi hành án. HĐXX xét thấy yêu cầu của ông Lượm là một yêu cầu chính đáng, theo đúng tinh thần pháp luật đã quy định nên chấp nhận yêu cầu của ông Lượm là phù hợp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Phượng chị thừa nhận toàn bộ lời trình bày của ông Lượm là đúng, chị có làm đầu thảo Loại hụi 1.000.000đ/chung, khai ngày 30/08/2009 **dây hụi có 26 chung, 15 ngày khai một lần, ông Lượm tham gia 02 chung, hai chung hụi của ông Lượm còn sống và là hai chung cuối cùng, hụi kết thúc vào ngày 15/08/2010, từ khi giao dịch đến khi kết thúc ông Lượm đã đóng được 36.990.000đ tiền vốn,** nhưng chị Phượng nại ra rằng do điều kiện gia đình gặp khó khăn không thể trả nợ cho ông Lượm được, mà hẹn khi nào mua bán được mới trả nợ cho ông Lượm, HĐXX xét thấy lời nại ra của chị Phượng là không thể chấp nhận được bởi lẽ chị Phượng thừa nhận có nợ nhưng không thể hiện thiện trí trả nợ, nên cần buộc chị Phượng có nghĩa vụ trả ông Lượm số tiền 36.990.000đ tiền vốn và lãi được tính cụ thể từ ngày 15/08/2010 đến khi xét xử như sau : $36.990.000đ \times 9 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} \times 1.167\% = 4.029.000đ$

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Phượng phải nộp 2.050.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí của ông Lượm dự nộp 1.200.000đ lai thu số 001926 ngày 11 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 476, 479 BLDS; và điều 10, điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về họ, họ, biêu, phường

- 1/**Tuyên xử:** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Giả Văn Lượm đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phương về tiền nợ hui.

2/- Buộc : chị Nguyễn Thị Phượng có nghĩa vụ trả cho Giả Văn Lượm số tiền nợ hui là 36.990.000đ, tiền vốn. 4.029.000đ tiền lãi

3/. Về Ấn phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị phải nộp 2.050.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí ông Lượm dự nộp 1.200.000đ lai thu số 001926 ngày 11 tháng 05 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ

Nôi nhaän :
chuû toïa

Thaảm phaùn —

Toøa àùn Tænh
VKS cuøng caáp
Thi haønh àùn
Ñöông sö

NGUYỄN VĂN TÀI

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM

HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Baùn àùn sốá :11/ ST- DS

Ngaøy: 20/05/2011

Thụ lý số : 38/2011

Ngaøy: 25/04/2011

“Hợp ðồng thể chấp tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

Với hội ðồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa : Ông *Nguyễn Văn Tài*

Hội thẩm:

1/ Bà : *Trương Thị Hương*

2/ Ông : *Thạch Vũ*

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông *Lê Khắc Hải*

Ngày 20/05/2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2011/TLDS – ST ngày 25/04/2011 về việc Tranh chấp ” hợp ðồng thể chấp tài sản ” theo quyết ðịnh ðưa vụ án ra xét xử số: 15/2011/QĐST – DS ngày 04/05/2011 giữa các ðương sự :

Nguyên ðơn: *Trần Việt Hùng* sinh năm 1959

Đặng Thị Ngân (Thu Thủy) Sinh năm 1969

Cùng ðịa chỉ: Ấp Xóm Mới, Tân Thạnh - Giá Rai - Bạc Liêu.

Tạm trú : ấp nhàn dân A – Tân Phong – Giá Rai – Bạc Liêu

Bị ðơn: *Lý Văn Buối* sinh năm 1952

Kha Thị Luối Sinh năm 1959

Cùng ðịa chỉ: ấp Nhà Dân A – Tân Phong - Giá Rai - Bạc Liêu.

(Nguyên ñôn , bị ðơn có mặt tại phiên tòa)

NHÃN THÁY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân trình bày : Ngày 12/6/2007, anh Hùng, chị Ngân có nhận thế chấp căn nhà và đất thổ cư của anh Lý Văn Buól và chị Kha Thị Luối, với số tiền là 360.000.000đ có làm giấy tờ, có chính quyền địa phương xác nhận, có nhiều người biết, nội dung của hợp đồng thế chấp nhà và đất ở thể hiện anh Lý Văn Buól, chị Kha Thị Luối thế chấp cho anh Hùng, chị Ngân căn nhà và đất ở có vị trí như sau :

Phía Đông giáp Huỳnh Tú Hoàng

Phía Tây giáp Trần Việt Hùng

Phía Nam giáp kinh Bạc Liêu – Cà Mau

Phía Bắc giáp Quốc lộ 1A

Với số tiền thế chấp là : 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/tháng, nhưng chỉ tính trên số tiền 60.000.000đ còn số tiền 300.000.000đ không tính lãi, số tiền lãi phải đóng đúng ngày hàng tháng, và không quá 10 ngày với thời gian cầm thế chấp là 03 năm, là vào ngày 13/06/2010, nếu bên thế chấp không thực hiện đúng theo hợp đồng đã quy định, thì phía anh Trần Việt Hùng, và chị Đặng Thị Ngân (Thu Thủy) được quyền thanh lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. nhưng khi đến hạn anh Buól, chị Luối không thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà các bên đã ký kết, nên anh Hùng, chị Ngân đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, anh Hùng, chị Ngân yêu cầu buộc anh Lý Văn Buól, chị Kha Thị Luối thực hiện theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết, nếu không thực hiện thì yêu cầu anh Buól, chị Luối trả anh chị số tiền 360.000.00đ yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 360.000.000đ kể từ ngày chấp dứt hợp đồng là ngày 13/06/2010 đến khi xét xử và ở giai đoạn thi hành án

Anh Lý Văn Buól, chị Kha Thị Luối trình bày : Cách nay khoảng 7- 8 năm vợ chồng anh Buól, chị Luối có giao dịch với vợ chồng anh Hùng, chị Ngân bằng hình thức mượn tiền trả góp lần đầu là 5.000.000đ, rồi 10.000.000đ qua nhiều lần vay mượn như vậy đến năm 2005 tổng số tiền lên đến 125.000.000đ, do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn con bị bệnh hiểm nghèo không đóng lãi cho chị Ngân, anh Hùng được, đến năm 2007 chị Ngân nói số tiền chị Luối nợ chị là

125.000.000đ vốn và lời tính đến nay là 300.000.000đ, vợ chồng anh Buól, chị Luối cũng đồng ý, sau đó anh Buól chị Luối có vay thêm của chị Ngân, anh Hùng số tiền 60.000.000đ, tổng cộng là 360.000.000đ, vợ chồng chị đã viết giấy thế chấp tài sản là nhà và đất tọa lạc tại ấp khúc tréo A Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu cho vợ chồng anh Hùng, chị Ngân, với thời gian là 03 năm kể từ ngày 12/06/2007 đến ngày 12/06/2010 nhưng chỉ chịu lại xuất của số tiền là 60.000.000đ còn số tiền 300.000.000đ là không chịu tiền lãi trong thời gian là 3 năm, từ khi vay tiền chị có đóng lãi được khoảng 10 tháng cho chị Ngân anh Hùng theo thỏa thuận, sau đó không đóng nữa do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, anh, chị thừa nhận anh, chị còn nợ anh Hùng, chị Ngân số tiền 360.000.000đ, anh, chị đồng ý trả nợ, nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000đ đến khi hết nợ và không đồng ý trả lãi.

XEÙT THÁÁY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định. Việc giao dịch hợp đồng thế chấp tài sản giữa anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân và anh Lý Văn Buól, chị Kha Thị Luối là có xảy ra trên thực tế thông qua sự thừa nhận của các bên đương sự.

Xét lời trình bày của anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân ngày 12/6/2007, anh Hùng, chị Ngân có nhận thế chấp căn nhà và đất thổ cư của ông Lý Văn Buól và bà Kha Thị Luối, với số tiền là 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) lãi suất là 3%/tháng, nhưng chỉ tính trên số tiền 60.000.000đ còn số tiền 300.000.000đ không tính lãi, thời gian cầm thế chấp là 03 năm, có chính quyền địa xác nhận, anh Buól, chị Luối giao giấy chứng nhận QSD đất do anh Buól đứng tên cho anh Hùng, chị Ngân quản lý trong thời gian thế chấp, anh Hùng, chị Ngân yêu cầu anh Buól, chị Luối trả số tiền 360.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ ngày 13/06/2010 đến khi xét xử và ở giai đoạn thi hành án, lời trình bày của anh Hùng, chị Ngân được xác nhận là thật bởi chính anh Buól và chị Luối cũng thừa nhận như lời anh Hùng, chị Ngân trình bày là đúng, HĐXX xét thấy lời trình bày của anh Hùng, chị Ngân là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

Xét lời trình bày của anh Buól, chị Luối tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 04/05/2011 cũng như tại tờ tường trình ngày 11/05/2011, anh Buól, chị Luối đều

thừa nhận là có thể chấp tài sản là nhà và đất ở cho anh Hùng, chị Ngân với số tiền là 360.000.000đ, có giấy tờ, có chính quyền địa phương xác nhận, việc thế chấp tài sản này là tự nguyện, không bị ép buộc, đồng ý trả nợ anh Hùng, chị Ngân, trả dần mỗi tháng 4.000.000đ đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi, anh Buól, chị Luối nại ra rằng số tiền 360.000.000đ không phải là vốn mà cả vốn và lãi, và trong quá trình giao dịch với anh Hùng, chị Ngân, anh Buól, chị Luối đã đóng lãi cho anh Hùng, chị Ngân quá nhiều, nhưng anh Buól, chị Luối lại không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc là chị đã trả lãi cho anh Hùng, chị Ngân quá nhiều như lời chị trình bày để Tòa án bảo vệ quyền lợi cho anh, chị theo quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy không thể thỏa mãn theo yêu cầu của anh Buól, chị Luối được mà cần phải buộc anh Buól, chị Luối có nghĩa vụ trả anh Hùng số tiền 360.000.000đ tiền vốn, ($360.000.000đ \times 1.167\%/tháng \times 11 tháng$ 07 ngày = 47.193.000đ)

Về án phí anh Lý Văn Buól, chị Kha Thị Luối phải nộp 20.287.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai, anh Trần Việt Hùng đã dự nộp 8.000.000đ, ngày 25/04/2011 lai thu số 001911 sẽ được hoàn trả lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 điều 25 BLTTDS, và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 348, 349, 350, 351, 474, 476 luật dân sự

1/- **Tuyên xử** : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân đối với anh Lý Văn Buól và chị Kha Thị Luối về việc tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản.

2/- Buộc anh Lý Văn Buól, chị Kha Thị Luối có nghĩa vụ trả cho anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân số tiền 360.000.000đ, (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*) tiền vốn, 47.193.000đ (*Bốn mươi bảy triệu một trăm chín mươi ba ngàn đồng chẵn*) tiền lãi

Anh Trần Việt Hùng, chị Đặng Thị Ngân (Thu Thủy) có nghĩa vụ giao trả anh Lý Văn Buól, chị Kha Thị Luối 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất có diện tích 79m² tại thửa 190, tờ bản đồ số 5A do anh Lý Văn Buól sinh năm 1957 địa chỉ : ấp Nhân dân A Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu đứng tên giấy chứng nhận

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người nộp thuế thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tố tụng vùng vùì thời gian chờ thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

4/- Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch, Anh Lý Văn Buól, chị Kha Thị Luối phải nộp 20.287.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai, anh Trần Việt Hùng đã dự nộp 8.000.000đ, ngày 25/04/2011 lai thu số 001911 sẽ được hoàn trả lại đủ ở giai đoạn thi hành án.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết họ có quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

- Nội nhấn:

Thẩm phán - Chủ

tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Giá Rai
- Chi Cục THADS huyện Giá Rai
- Nông sở
- Lưu.

NGUYỄN VĂN

TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GIÁI RAI
PHÚC
TÂN BÀIC LIEAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH

Bản án số: 05A/2011/ DSST
Ngày: 28/02/2011

V/v chấp đền bồi thường
thiệt hại về sức khỏe.

NHÂN DANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁI RAI
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Văn Thiêm**

- Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông: **Thạch Vũ**

2/- Bà: **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 28 tháng 02 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2011/ TLST – DS ngày 11 tháng 02 năm 2011 về tranh chấp “ đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2011/ QĐST – DS ngày 16 tháng 02 năm 2011 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Kiều Dung** Sinh năm 1955

- Địa chỉ: Ấp 19 – Phong Tân – Giá Rai - Bạc Liêu

- Bị đơn: Bà **Lê Kim Phụng** Sinh năm 1970

- Địa chỉ: Ấp 19 – Phong Tân – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kiều Dung trình bày: vào ngày 10/08/2010 Lê Kim Phụng là người ở cùng xóm uống rượu say đánh bà gây thương tích phải đi nằm viện Giá Rai điều trị 05 ngày với các khoản chi phí là 893.000đ, nay bà Dung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Kim Phụng phải bồi thường tiền thuốc 393.000đ, tiền tàu xe 100.000đ, tiền ăn 400.000đ.

- Bị đơn bà Lê Kim Phụng trình bày: lý do xảy ra xô xát giữa bà và bà Dung là do mâu thuẫn chòm xóm, bà Dung đã nhiều lần dùng những lời lẽ thô tục để xúc phạm đến bà, nhưng bà đều bỏ qua vì bà nghĩ đến tình nghĩa chòm xóm, đến ngày 10/08/2010, khi bà đi chơi ở nhà người bạn về, bà có uống rượu đến ngang nhà trưởng ấp 19 - Phong Tân thì bà và bà Dung gặp nhau trên tuyến đường, bà Dung đã dùng những lời lẽ thô tục để chửi bà, hai bên lời qua tiếng lại do có rượu không kiềm chế được nên đã dẫn đến ẩu đả với nhau, bà có đánh bà Dung một bạt tai, bà Dung cũng đánh lại bà, sau đó được mọi người can ngăn, bà đánh bà Dung không gây thương tích nên bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà Dung.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định: xét về nội

khôûi kieän cuûa bà Nguyễn Kiều Dung kiện bà Lê Kim Phụng yêu cầu bồi
thông thiệt hại về sức khỏe và việc bà Phụng đánh bà Dung gây thông
tích vào ngày 10/08/2010 phải nằm viện tại Bệnh viện đa khoa huyện Giá
Rai nhiều từ từ ngày 15/08/2010 đến ngày 19/08/2010 môi xuất viện,
theo giấy y chứng của Bệnh viện đa khoa huyện Giá Rai ngày 19/08/2010 bà
Nguyễn Kiều Dung có những thương tích sau:

- + Vùng thái dương T vết thương trầy xước da nhẹ;
- + Vết xây xước da môi T và môi dưới T đã lành.

Với tổng số tiền nhiều từ của bà Nguyễn Kiều Dung được xác định các
khoa chỉ phí là 893.000đ, bà Dung yêu cầu bà Phụng phải bồi thông
cho Dung số tiền 893.000đ, còn phía bà Lê Kim Phụng thừa nhận vào
ngày 10/08/2010 bà Phụng cố cố qua lại và xô sát với bà Dung và bà
Phụng nào nào bà Dung bằng tay không gây thương tích, bản thân bà Phụng
không nào y bồi thông cho bà Dung số tiền 893.000đ, cần cố vào
các chông cố cố trong hoà sô vũ aùn và qua cuộc thẩm vấn công khai
cũng như tranh luận tại phiên tòa nào cố nếu cần cố nên xác định vào
ngày 10/08/2010 bà Nguyễn Kiều Dung nào bỏ bà Lê Kim Phụng nào gây
thông tích, phải nằm viện nhiều từ tại Bệnh viện đa khoa huyện Giá Rai
với thời gian nhập viện từ ngày 15/08/2010 đến ngày 19/08/2010, nhiều
ngày nào nào bà Lê Kim Phụng thừa nhận tại phiên tòa là bà Phụng nào
nào bà Dung vào ngày 10/08/2010, và phía bà Dung yêu cầu bà Phụng
phải bồi thông cho bà Dung tổng số tiền là 893.000đ, còn bà Phụng
không nào y bồi thường cho bà Dung, bà cho rằng bà đánh bà Dung
không gây ra thương tích, từ những cần cố nội dung nào nêu trên, HXX
xét thấy bà Nguyễn Kiều Dung bỏ gây thông tích là do lỗi của bà Lê
Kim Phụng nào bà Dung bỏ thông tích phải nằm viện nhiều từ tại Bệnh
viện đa khoa huyện Giá Rai vì vậy xét thấy cần buộc bà Lê Kim Phụng
phải cố nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Kiều Dung tất cả các
khoa chỉ phí hội pháp trong thời gian nhiều từ từ ngày 15/08/2010 đến
ngày 19/08/2010 tổng cộng các khoản là 893.000đ là hoàn toàn có căn cứ
pháp luật.

Xét về lỗi trình bày của Lê Kim Phụng bà thừa nhận là cố
nào bà Nguyễn Kiều Dung nhưng bà Phụng không nào y bồi thường cho
bà Dung, HXX xét thấy cần bà Phụng không đồng ý bồi thông cho
bà Dung là chờ thỏa nào theo tinh thần pháp luật nào quy định, là
ngôi gây thiệt hại cho ngôi khác phải chịu trách nhiệm bồi hoàn
toàn bộ thiệt hại do lỗi của mình gây ra theo quy định tại nhiều 609
BLDS, vì vậy xét thấy cần buộc bà Lê Kim Phụng cố nghĩa vụ bồi
thường cho bà Nguyễn Kiều Dung số tiền là 893.000đ theo toa về hội
pháp và các chi phí hợp lý khác.

Veà àùn phí dân sự sơ thẩm còu giàu ngăich bà Lê Kim Phụng phâûi nôp 200.000đ, nôp tại Chi cục thi haønh àùn dân sỡ huyeãn Giá Rai.

Vì caùc leõ nêu trên;

QUYEÁT ÑÒNH

Áp dụng khoản 6 điều 25 BLTTDS; Điều 609 BLDS và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Tuyeãn xõu: chaáp nhaãn yeâu caàu khôûi kieãn cuûa Nguyễn Kiều Dung đối với bà Lê Kim Phụng về việc ñoỏi boài thôøng thieät hai veà sòuc khoeû.

+ Buoắc bà Lê Kim Phụng còu ngóa vũi boài thường cho bà Nguyễn Kiều Dung soá tieàn 893.000đ

Keà töø ngaøy còu ñôn yeâu caàu thi haønh àùn cuûa ngôôøi ñoỏi thi haønh àùn cho ñeãn khi thi haønh xong taát caù caùc khoaûn tieàn, haøng thaùng beãn thi haønh àùn coøn phaûi chòu laõï suaát cuûa soá tieàn phaûi thi haønh àùn theo quy ñònh tại khoaûn 2 ñieàu 305 BLDS töøng òùng vòuï thôøi gian chòu thi haønh àùn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Aùn phí sơ thẩm dân sự còu giàu ngăich bà Lê Kim Phụng phâûi nôp 200.000ñ, nôp tại Chi cục thi haønh àùn dân sỡ huyeãn Giá Rai.

Aùn xõu sô thaãm công khai báo cho các bên đương sự và những ngôôøi tham gia toá tũng khaùc bieät, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

- Nội nhăñ:
tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Giá Rai
- Chi Cục THADS huyện Giá Rai
- Ñoòng sô
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ

Văn Thiêm

Lê

Ư

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
VIỆT NAM
HUYỆN GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
Với hội đồng xét xử gồm có:

Baùn àùn số :05/ ST- DS

Ngaøy: 25/02/2011

Thụ lý số : 68/2009

Ngaøy: 12/06/2009

“Hợp ðồng cầm cố tài sản”

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà : Bà **Nguyễn Thị Ngoan**

Hội thẩm:

1/ Bà : **Trương Thị Hương**

2/ Ông : **Huỳnh Quang Lâm**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Lê Khắc Hải**

Ngày 25/02/2011, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giá Rai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2009/TLDS – DS ngày 12/6/2009 về việc Tranh chấp ” *hợp ðồng cầm cố tài sản* ” theo quyết ðịnh ðưa vụ án ra xét xử số: 05/2011/QĐST – DS ngày 21/01/2011, Quyết ðịnh hoãn 10/02/2011 giữa các ðương sự :

Nguyên ðơn: Chị **Nguyễn Trí Hiếu**

sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp 2, Thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Bị ðơn: Anh **Trần Tấn Giai (Kia)**

sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 113, khóm 5, ðường 30 tháng 4, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

(Nguyeân ñôn coù maët, bị ðơn vắng mặt tại phiên toà không lý do)

NHÀÑN THAÁY

Theo ðơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Trí Hiếu trình bày : Ngày 16/2/2006, chị có cầm 01 (một) ðôi bông tai hột xoàn 3ly5 cho anh Trần Tấn Giai (Kia) với số tiền là 2.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%./tháng, Chị Hiếu ðóng lãi ðược hai tháng (60.000đ) thì ngưng ðóng do hoàn cảnh gặp khó khăn. Trước khi ngưng ðóng, chị Hiếu có thỏa thuận với anh Giai và ðược anh Giai ðồng ý cho ngưng ðóng lãi ðến khi nào chị Hiếu có tiền chuộc lại ðôi bông thì tính tiền vốn và lãi luôn. ðến tháng 08 năm 2006 chị Hiếu ðem tiền ðến chuộc lại ðôi bông thì anh Giai không cho chuộc anh cho rằng ðã bị ðứt do thời gian quá lâu, chị không ðồng ý nên chị yêu cầu ðến các cơ quan chức năng giải quyết.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải Quyết buộc anh Giai (Kia) cho chị được chuộc lại đôi bông hột soàn 3ly5 mà chị đã cầm cố cho anh Giai, yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Anh Trần Tấn Giai (Kia) Suốt trong quá trình thụ lý hồ sơ vụ kiện (Từ ngày 12 tháng 06 năm 2009) đến nay Toà án đã mời anh Giai lên làm việc hợp lệ nhiều lần nhưng không lần nào anh có mặt theo giấy triệu tập của Tòa. Dù anh Giai không có mặt tại Tòa để làm việc, nhưng căn cứ vào lời khai của anh tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/9/2007 (do Công an huyện Giá Rai tiến hành) anh Giai thể hiện Anh là người trung gian để anh Mến và chị Hiếu giao dịch với nhau nên anh không đồng ý theo yêu cầu của chị Hiếu.

Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật xong anh Giai vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Giai.

XÉT THÁY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Hiếu tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định. Việc giao dịch giữa chị Hiếu và anh Giai dù không lập thành văn bản nhưng dựa vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thì giao dịch giữa chị Hiếu và anh Giai về việc cầm cố tài sản là một đôi bông hột soàn là thật. xét lời trình bày của chị Hiếu là có cơ sở bởi chị chứng minh được nguồn gốc của đôi bông là do mẹ chồng cho, lời trình bày của bà Kiêu có trong hồ sơ phù hợp với lời trình bày của chị Hiếu

Xét lời trình bày của anh Trần Tấn Giai tại biên bản ghi lời khai ngày 14/09/2007 do công an Huyện Giá Rai thể hiện, thì anh Giai trình bày anh chỉ là người trung gian, để chị Hiếu và anh Mến giao dịch cầm cố, chứ anh Giai không phải là người cầm cố, anh là người nhận tiền lời của chị Hiếu hộ anh Mến, nhưng tại biên thoả thuận ở thị Trấn Hộ Phòng thì anh Giai yêu cầu chị Hiếu thanh toán tiền vốn và tiền lãi là 3.600.000đ thì anh sẽ mua trả chị Hiếu đôi bông hột soàn khác, lời nại ra của anh Giai là không có cơ sở để chấp nhận, bởi vì những lời trình bày của anh Giai nó mâu thuẫn với nhau và cũng từ những mâu thuẫn đó đã có đủ cơ sở để khẳng định rằng đôi bông hột soàn của chị Hiếu là do anh Giai quản lý, việc anh nại ra anh chỉ là người trung gian đứng ra nhận

cầm cố cho anh Mến là không có cơ sở, anh không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Mến, nên anh phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Hiếu, nếu không trả bằng vật thì quy đổi ra tiền theo giá trị tại thời điểm xét xử để trả, Đơn bông hột soạn 3ly5 của chị Hiếu đã được tiệm vàng Học – đăng ký kinh doanh mặt hàng vàng bạc, đã quý có địa chỉ tại ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai xác định có giá trị 10.000.000đ tại thời điểm tháng 02 năm 2006 (thời điểm giao dịch thực hiện) và thời điểm hiện tại (25/10/2010) có giá trị là 14.000.000đ.

Từ những nội dung phân tích xét yêu cầu của chị Hiếu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh Giai có nghĩa vụ trả cho chị Hiếu đơn bông hột soạn 3ly5 quy ra tiền tương ứng với giá trị đơn bông cầm cố vào thời điểm xét xử. là 14.000.000đ. chị Hiếu có nghĩa vụ trả anh Giai (Kia) 2.000.000đ tiền vốn, và 1.146.000đ tiền lãi tính từ khi giao dịch ngày 16/02/2006 đến hôm nay, chị Hiếu đã trả được 60.000đ sẽ được khấu trừ $(2.000.000đ \times 1\% \times 60 \text{ tháng} = 1.206.000đ - 60.000đ = 1.146.000đ)$

Về án phí Anh Trần Tấn Giai(Kia) phải nộp 700.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai, chị Nguyễn Trí Hiếu phải nộp 200.000đ, chị Hiếu đã dự nộp 400.000đ, ngày 12/06/2009 lai thu số 002537 sẽ được đối trừ ở giai đoạn thi hành án.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 điều 25 BLTTDS, và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2010 của Ủy Ban thường vụ quốc hội quy định về về án phí, lệ phí Tòa án.

Vận dụng Điều 127,137 Bộ luật dân sự

Tuyên xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Trí Hiếu đối với anh Trần Tấn Giai về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

Buộc anh Trần Tấn Giai (Kia) có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Trí Hiếu số tiền 14.000.000đ,(Mười bốn triệu đồng) chị Nguyễn Trí Hiếu có trách nhiệm trả anh Trần Tấn Gia (Kia) 2.000.000đ tiền vốn và 1.146.000đ tiền lãi.

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người nộp án thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng

thường bên thi hành án còn phải chờ lỗi suất của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tổng cộng với thời gian chờ thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch, Anh Trần Tấn Giai phải nộp 700.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai, chị Nguyễn Trí Hiếu phải nộp 200.000đ, chị Hiếu đã dự nộp 400.000đ, ngày 12/06/2009 lai thu số 002537 sẽ được đối trừ ở giai đoạn thi hành án.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho chị Nguyễn Trí Hiếu biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Trần Tấn Giai biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

HỘI THẨM

CHỦ TỌA

HỘI THẨM

**TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
HUYỀN QUANG LÂM**

NGUYỄN THỊ NGOAN

TOÀ AÙN NHAÂN DÂN
NGHÓA VIỆT NAM

HUYỄN GIÁ RAI
PHƯỚC

TẶNG BÁC LIÊU

COÃNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ÑOÃC LAÁP - TỎI DO - HÃNH

Bản án số: 04/ DSST

Ngày: 11/02/2011

Thủ lý số: 04/DSST

Ngày: 12/01/2011

Tranh chấp hợp đồng nợ hộ

NHÂN DANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông *Nguyễn Văn Tài*

Các hội thẩm nhân dân:

1/- *Nguyễn Thành Nhạn*

2/- *Mai Hoàng Phương*

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông *Lê Khắc Hải* Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 11 tháng 02 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2011/TLST – DS ngày 12 tháng 01
năm 2011 về tranh chấp “tiền hộ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
04/2010/ QĐST – DS ngày 26 tháng 01 năm 2011 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Xiểu** Sinh năm 1962

- Địa chỉ: ấp 10 – Tân Phong – Giá Rai - Bạc Liêu

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hiền** Sinh năm 1964

- Địa chỉ: Ấp 7 – Phong Thạnh Tây – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chi Nguyễn Thị Xiểu trình bày: Vào ngày 29/11/2008 chị có tham gia chơi hụi của chị Hiền loại hụi 10.000đ, dây hụi có 160 chung, chị tham gia 5 chung, một ngày khai một lần, hụi sống đóng được 1.000.000đ, dây hụi này chị Hiền còn nợ chị 2.000.000đ

Ngày 15/12/2008 chị có tham gia chơi hụi của chị Hiền loại hụi 200.000đ, chị tham gia 5 chung, dây hụi có 45 chung, 15 ngày khai một lần, chị chưa hốt chung nào, chị đóng được 22 lần thì chị Hiền tuyên bố hụi bể, chị đã đóng với số tiền 12.250.000đ. dây hụi này chị Hiền còn nợ tôi 22.000.000đ

Ngày 26/12/2008 chị có chơi hụi loại hụi 10.000đ, dây hụi có 165 chung, mỗi ngày khai một lần, chị tham gia 11 chung, chị đã hốt hết 11 chung, tổng cộng chị đã hốt được tổng số tiền 13.530.000đ, chị đã đóng hụi sống cho chị Hiền 11.550.000đ. không đóng hụi chết được ngày nào. dây hụi này chị thiếu chị Hiền lại 760.000đ

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Hiền trả cho chị tổng cộng số tiền của các dây hụi là : 24.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ khi giao dịch đến nay cũng như ở giai đoạn thi hành án. yêu cầu thanh toán một lần sau khi án có hiệu lực.

Chị Nguyễn Thị Hiền trình bày :Vào ngày 29/11/2008 chị có làm chủ hụi loại hụi 10.000đ, day hụi có 160 chung, chị chị Xiểu tham gia 5 chung, mỗi ngày khai một lần, dây hụi này chị Xiểu chưa hốt chung nào, chị Xiểu đã đóng được 28 lần với tổng số tiền là 980.000đ.

Vào ngày 15/12/2008 chị có làm chủ hụi loại hụi 200.000đ, chị Xiểu tham gia 5 chung, dây hụi có 45 chung, 15 ngày khai một lần, chị Xiểu chưa hốt chung nào, chị gom được 22 lần, chị tuyên bố hụi bể lý do bị tai em đứt hụi, chị Xiểu đã đóng được tổng cộng là 12.250.000đ

Vào ngày 26/12/2008 chị có làm chủ hụi loại hụi 10.000đ, dây hụi có 165 chung, mỗi ngày khai một lần, chị Xiểu tham gia 11 chung, chị Xiểu đã hốt hết 11 chung, tổng cộng chị Xiểu đã hốt được tổng số tiền 15.488.000đ, chị Xiểu đã đóng cho tôi cả sống lẫn chết là 10.020.000đ.

Chị Hiền thừa nhận chị còn nợ tiền hụi chị Xiểu, nhưng từ khi bể hụi đến nay chị đã tạo mọi điều kiện để trả cho chị Xiểu được 4.200.000đ, chị đồng ý trả nợ nhưng vì điều kiện gia đình gặp nhiều khó khăn, không thể trả 1 lần theo yêu cầu của chị Xiểu được, xin trả dần mỗi tháng 200.000đ đến khi hết nợ, đồng ý trả lãi theo quy định của nhà nước từ khi giao dịch đến nay cũng như ở giai đoạn thi hành án. không đồng ý theo yêu cầu của chị Xiểu đòi số tiền 24.000.000đ.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: việc tranh chấp

tiền hụi giữa chị Nguyễn Thị Xiếu và chị Nguyễn Thị Hiền là có xảy ra trên thực tế. Các bên cùng xác định có 03 dây hụi do chị Hiền làm chủ dây thứ nhất Loại hụi 10.000đ, dây hụi có 160 chung, chị tham gia 5 chung, một ngày khai một lần, hụi sống đóng được 1.000.000đ.

Dây thứ 02 loại hụi 200.000đ, chị Xiếu tham gia 5 chung, dây hụi có 45 chung, 15 ngày khai một lần, chị chưa hốt chung nào, chị đóng được 22 lần thì chị Hiền tuyên bố hụi bể, chị đã đóng với số tiền 12.250.000đ. chị Hiền đã trả 4.200.000đ chị Hiền còn nợ 8.050.000đ

Dây thứ 03 loại hụi 10.000đ, dây hụi có 165 chung, mỗi ngày khai một lần, chị Xiếu tham gia 11 chung, chị đã hốt hết 11 chung, tổng cộng chị đã hốt được tổng số tiền 13.530.000đ, chị đã đóng hụi sống cho chị Hiền 11.550.000đ. không đóng hụi chết được ngày nào, chị Xiếu nợ chị Hiền 1.980.000đ

Từ khi chị Hiền tuyên bố bể hụi đến nay chị Hiền cũng tạo mọi điều kiện để trả cho chị Xiếu được 4.200.000đ, HĐXX xét thấy quá trình xây dựng hồ sơ tại biên bản hoà giải ngày 24/01/2011 chị Xiếu và chị Hiền các bên đã thống nhất với nhau về các nội dung sau; về ngày tháng giao dịch, về số tiền đã đóng, đã hốt, và đã nhận sau khi bể hụi của các dây hụi chị Xiếu và Chị Hiền thống nhất được hết với nhau. HĐXX xét thấy không thể thỏa mãn theo yêu cầu của chị Xiếu được bởi vì Nghị định 144/2006 /NĐ – CP Nghị định của chính phủ đã quy định giải quyết cụ thể về hụi, khi có tranh chấp hụi xảy ra thì chỉ được tính phần vốn đã đóng và đã nhận và được tính lãi theo quy định của Ngân hàng nhà nước quy định, do đó chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của chị Xiếu buộc chị Nguyễn Thị Hiền phải trả cho chị Nguyễn Thị Xiếu số tiền vốn là 7.070.000đ, tiền lãi của 25 tháng là $7.070.000đ \times 1\% \times 25 \text{ tháng} = 8.837.500đ$

Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Hiền phải nộp 441.000đ, chị Nguyễn Thị Xiếu phải nộp 758.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Xiếu dự nộp 600.000đ lai thu số 001828 ngày 12 tháng 01 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được đối trừ ở giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 25 BLTTDS; vận dụng Điều 476, 479 BLDS; và điều 10, điều 13 Nghị định 144/2006/NĐ – CP của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường

- 1/**Tuyên xử**: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xiếu đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Hiền về tiền nợ hụi.

2/- **Buộc** : chị Nguyễn Thị Hiền có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Xiếu số tiền nợ hụi là 8.837.500đ.

Không chấp nhận phần chị Nguyễn Thị Xiếu kiện đòi chị Nguyễn Thị Hiền số tiền 15.172.500đ.

3/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị Hiền phải nộp 441.000đ, chị Nguyễn Thị Xiểu phải nộp 758.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Số tiền tạm ứng án phí chị Xiểu dự nộp 600.000đ lai thu số 001828 ngày 12 tháng 01 năm 2011 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được đối trừ ở giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tại khoản 2 điều 305 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án sử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, và những người tham gia tố tụng khác, báo cho họ biết, họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ

Nôi nhaun :

Thaảm phaun –

chuû toĩa

Toøa àun Tænh

VKS cuøng caáp

Thi haønh àun

Ñoøng so

NGUYỄN VĂN

TÀI

TOÀ AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIEÄT NAM

HUYEÄN GIAÙ RAI
PHUÙC

TÆNH BAÏC LIEÄU

COÄNG HOØA XAÕ HOÀI CHUÙ

ÑOÁC LAÁP - TÖÏ DO - HAÏNH

Baùn aùn soá: 01/ DSST

Ngaøy: 07/01/2011

Thuï lyù soá:111/DSST

Ngaøy: 17/12/2010 NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tranh chấp đòi bồi thiệt hại sức khoẻ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

NHÂN DANH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tài**

Các hội thẩm nhân dân:

1/- **Thạch Vũ**

2/- **Trương Thị Hương**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Lê Khắc Hải**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 07 tháng 01 năm 2011, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2010/ TLST – DS ngày 17 tháng 12 năm 2010 về tranh chấp “ đòi bồi thương thiệt hại sức khoẻ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2010/ QĐST – DS ngày 20 tháng 12 năm 2010, và Quyết định hoãn ngày 31/12/2010 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn dân sự : **Nguyễn Hải Ngân** Sinh năm 1980
- Địa chỉ: ấp 4 – TT Giá Rai – Giá Rai - Bạc Liêu
- Bị đơn dân sự : Bà **Danh Thị Hiền** Sinh năm 1972
- Địa chỉ: Ấp 4 – TT Giá Rai – Giá Rai - Bạc Liêu
- Bị hại: **Danh Thị Thanh Ngọc** Sinh năm 1998
- Địa chỉ: Ấp 4 – TT Giá Rai – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn dân sự, Bị đơn dân sự, bị hại có mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Nguyễn Hải Ngân là nguyên đơn dân sự, và là người đại diện cho em Danh Thị Thanh Ngọc trình bày : vào ngày 16,17,18 tháng 09 năm 2010 vợ chồng chị không có ở nhà vì phải đi làm thuê tại TP – HCM, con gái chị là em Danh Thị Thanh Ngọc có cãi vã với chị Danh Thị Hiền, chị Hiền đã đánh con chị đến ngất xỉu phải đi nằm viện tại bệnh viện Giá Rai mấy ngày nhưng không hết nhức đầu và co giật, nên bệnh viện Giá Rai đã chuyển con chị lên bệnh viện Bạc Liêu nằm điều trị một tuần mới xuất viện.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Danh Thị Hiền phải bồi thường tiền thuốc điều trị theo toa vé cho con chị là 3.672.000đ, tiền ăn của người bệnh và người nuôi từ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 là 2.000.000đ.

Em Danh Thị Thanh Ngọc người bị hại trong vụ kiện trình bày : ngày 16/09/2010 em và chị Hiền có lời qua tiếng lại. em bị chị Hiền đánh một bạt tai thì được người lớn can ngăn, đến ngày 17/09/2010 em Ngọc bị con của chị Hiền là em Bé đánh, sáng ngày 18/09/2010 em Ngọc bị chị Hiền dùng cây đập nước đánh vào đầu em ngất xỉu, sau đó em được người nhà đưa đi bệnh viện cấp cứu, em Ngọc yêu cầu chị Hiền phải bồi thường tiền thuốc và các khoản chi phí hợp lý khác theo quy định của pháp luật.

Chị Danh Thị Hiền là bị đơn dân sự trình bày: chị Hiền và chị Ngân là người ở cùng xóm, nhà ở gần nhau vào ngày 18/09/2010 chị Hiền và em Ngọc có xảy ra xô xát, lý do xô xát là do em Ngọc đến nhà chị dùng những lời lẽ thô tục chửi chị Hiền, khi em Ngọc chửi, chị Hiền có báo với người lớn là bà Ngoại của em Ngọc, nhưng người lớn không giải quyết, do bức xúc nên chị Hiền có đánh em Ngọc bằng tai, chị Hiền không đồng ý bồi thường tiền thuốc và các khoản chi phí khác theo yêu cầu của chị Ngân và em Ngọc, vì chị đánh em Ngọc không gây thương tích.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: xét về nội dung kiện của chị Nguyễn Hải Ngân kiện chị Danh Thị Hiền, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoại hối nông, về hành vi chị Hiền lừa em Ngọc gây thương tích vào ngày 18/09/2010, em Danh Thị Thanh Ngọc phải nằm bệnh viện nhiều từ tờ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 mới xuất viện, theo giấy chứng nhận thương tích của bệnh viện đa khoa Tỉnh Bạc Liêu ngày 30/09/2010 em Danh Thị Thanh Ngọc bị đa chấn thương phần mềm, tổng số tiền nhiều từ của em Ngọc được xác định các khoản chi phí là: 3.033.500đ, chị Ngân yêu cầu chị Hiền phải bồi thường cho Chị Ngân số tiền 3.033.500đ, còn phía chị Danh Thị Hiền thừa nhận vào ngày 18/09/2010 chị Hiền có cãi qua lại với em Danh Thị Thanh Ngọc, vào nhà em Ngọc bằng tay nhưng không gây thương tích, bản thân chị Hiền không nông y bồi thường cho Em Ngọc số tiền 3.033.500đ, Caen có vào các chửi cù cù trong nhà sô vũ aùn, vào qua cuộc thăm vấn công khai vào tranh luận tại Tòa hôm nay nhà có nêu caen có nên xác định vào ngày 18/09/2010 em Danh Thị Thanh Ngọc nhà bỏ chị Danh Thị Hiền lừa gây thương tích, phải nằm bệnh viện nhiều từ tại bệnh viện Giá Rai – Bạc Liêu em Danh Thị Thanh Ngọc nhập viện tờ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 mới xuất viện, nhiều ngày nhà nộp chị Danh Thị Hiền thừa nhận tại phiên Tòa ngày hôm nay là chị Hiền nhà em Ngọc vào ngày 18/09/2010, về phía chị Ngân yêu cầu chị Hiền phải bồi thường cho chị Ngân tổng số tiền là: 3.033.500đ, còn chị Hiền không nông y bồi hoàn cho chị Ngân, chị cho rằng chị đánh em Ngọc không gây ra thương tích, tờ những caen có nói dung nhà nêu trên, HXX xét thấy em Danh Thị Thanh Ngọc bỏ gây thương tích là do lỗi của chị Danh Thị Hiền lừa em Ngọc bỏ thương tích phải nằm bệnh viện nhiều từ tại bệnh viện Giá Rai- Bạc Liêu, vì vậy xét thấy cần buộc chị Danh Thị Hiền phải có nghĩa vụ bồi hoàn cho chị Nguyễn Hải Ngân tất cả các khoản chi phí hồi phục trong thời gian nhiều từ tờ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 tổng cộng các khoản là: 3.033.500đ như sau :

1/ Thời gian em Danh Thị Thanh Ngọc nhiều từ tại bệnh viện Giá Rai tờ ngày 18/09/2010 đến ngày 22/09/2010 gồm : tiền thuốc theo toa về là 385.500đ.

2/ Tiền thuốc theo toa về điều trị tại bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu từ ngày 23/09/2010 đến ngày 29/09/2010 là . 868.000đ.

- Tiền xe xuất viện về nhà : 100.000đ

3/ Tiền ăn của người bệnh vào tiền công lao động của người nuôi bệnh tờ ngày 18/09/2010 đến ngày 29/09/2010 là 12 ngày, một người, một ngày là 70.000đ x 12 ngày x 2 người = 1.680.000đ.

Xét về lỗi trình bày của chị Danh Thị Hiền thừa nhận là có lừa em Ngọc nhưng chị Hiền không nông y bồi hoàn cho em Ngọc,

HÑXX xeùt thaáy vaán ñeà chị Hiền không đồng ý bồi thồông cho em Ngọc laø chõa thoùa ñaùng theo tinh thần pháp luật ñã quy ñònh, laø ngôõõì gây thiếat haĩ cho ngôõõì khaùc phaũì chòu traùch nhiẽm bồi hoạc toạc bồi thiếat haĩ do loãì của mình gây ra cho ngôõõì bù haĩ theo quy ñònh tại ñiàu 609 BLDS , vì vậy xeùt thaáy cần buoác chị Danh Thị Hiền còu nghóa vui bồi hoạc cho em Danh Thị Thanh Ngọc do chị Nguyễn Hải Ngân đại diện soá tieàn laø 3.033.500ñ, theo toa veù hõp pháp và các chi phí hợp lý khác.

Veà àun phí DSST còu giàu ngàich chị Danh Thị Hiền phaũì noáp 200.000đ tại cô quan thi haønh àun dân số Huyeãn Giá Rai.

Bôũì càu leõ trên

QUYEÁT ÑÒNH

Áp dụng khoản 6 điều 25 BLTTDS và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vaán dưõng khoaũn 3 ñiàu 609 BLDS

1/ Tuyeân xõu : chaáp nhaãn ñôn yeâu caàu khôũì kieãn của chị Nguyễn Hải Ngân kieãn chị Danh Thị Hiền ñoũì bồi thồông thiếat haĩ ngoạc hõp ñoàng veà toả haĩ sòuc khoeũ.

2/ Buoác chị Danh Thị Hiền còu nghóa vui bồi hoạc cho chị Nguyễn Hải Ngân soá tieàn 3.033.500đ

3/ *Keã töø ngay còu ñôn yeâu caàu thi haønh àun của ngôõõì ñoũic thi haønh àun cho ñeãn khi thi haønh xong taát càu càu khoaũn tieàn, haøng thaùng beãn thi haønh àun còu phaũì chòu laõì suaát của soá tieàn phaũì thi haønh àun theo quy ñònh tại khoaũn 2 ñiàu 305 BLDS töõng òùng vòũì thòũì gian chõa thi haønh àun.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Aùn phí DS ST còu giàu ngàich Danh Thị Hiền phaũì noáp 200.000ñ tại cô quan thi haønh àun dân số Huyeãn Giá Rai.

Aùn xõu sô thaãm công khai còu maët nguyêãn ñôn dân sự, bù ñôn dân sự vaø nhõõng ngôõõì tham gia toá tũng khaùc, baòu cho hõì bieát, hõì còu quyêãn choáng àun, khaùng nghò trong haĩn 15 ngay keã töø ngay tuyeân àun.

TM- HOÃI ÑOÀNG XEÙT XÕU

Nôi nhaũn :
chuũ toĩa

Toøa àun Tænh

Thaãm phaũn –

VKS cường caáp
Thi haønh àùn
Ñông sô

NGUYỄN VĂN

TÀI

TOØA AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIEÄT NAM
HUYEÄN GIAÙ RAI
PHUÙC
TÆNH BAÏC LIEÄU

COÄNG HOØA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ÑOÄC LAÄP - TÖÏ DO - HAÏNH

Baùn àùn soá: 44/ DSST
Ngàøy: 28/12/2010
Thuï lyù soá:24/DSST

Ngàøy: 18/03/2010 **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Tranh chaáp hợp ãng mua bán **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI**
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

NHÂN DANH

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông *Nguyễn Thị Ngoan*
Các hội thẩm nhân dân:

1/- *Thạch Vũ*

2/- *Trương Thị Hương*

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Lê Khắc Hải**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 28 tháng 12 năm 2010, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2010/ TLST – DS ngày 18 tháng 12 năm 2010 về tranh chấp “ hợp đồng mua bán” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2010/ QĐST – DS ngày 06 tháng 12 năm 2010 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Huỳnh Thanh Thảo** Sinh năm 1981
- Địa chỉ: ấp A – TT Hòa Bình – Hòa Bình - Bạc Liêu
- Bị đơn: Bà **Diệp Ngọc Bích** Sinh năm
- Địa chỉ: Ấp 2 – Phong Thạnh Đông A – Giá Rai - Bạc Liêu
- (Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai anh Huỳnh Thanh Thảo trình bày vào ngày 23/12/2009 anh Thảo đem tôm xuống bán cho chị Diệp Ngọc Bích với số lượng 275,3kg tôm sú với số tiền là 45.000.000đ, đến ngày 25/12/2009 anh Huỳnh Thanh Thảo đem tôm bán tiếp cho chị Diệp Ngọc Bích 327kg tôm sú với số tiền là 54.000.000đ, tổng hai lần anh Huỳnh Thanh Thảo bán cho chị Diệp Ngọc Bích 602,3kg tôm sú, với số tiền 99.000.000đ, qua hai lần bán tôm cho chị Bích mới trả cho anh Thảo được 24.000.000đ, còn lại 75.000.000đ, chị Bích hẹn 2 ngày sau sẽ trả tiền cho anh, nhưng đến hẹn anh gặp chị Bích yêu cầu thanh toán tiền thì chị Bích cứ hẹn lần hẹn lựa đến ngày 10/01/2010 chị Bích trả cho anh thêm được 5.000.000đ, tổng cộng chị Bích đã trả cho anh được 29.000.000đ, số còn lại 70.000.000đ từ đó đến nay Chị Bích không thanh toán cho anh, dù anh đã nhiều lần gặp chị Bích yêu cầu thanh toán nợ. Nay anh Thảo yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Diệp Ngọc Bích phải thanh toán cho anh số tiền mua tôm còn thiếu là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) yêu cầu thanh toán một lần yêu cầu tính lãi theo quy định của nhà nước từ ngày 10/01/2010 đến nay và ở giai đoạn thi hành án.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: ngày 23/12/2009 anh Thảo đem tôm xuống bán cho chị Bích 275,3kg, ngày 25/12/2009 anh Thảo đem tôm bán cho chị Bích 327kg, tổng hai lần anh Thảo bán cho chị Bích 602,3kg tôm sú, với số tiền 99.000.000đ, chị Bích mới trả cho anh Thảo được 29.000.000đ, còn lại 70.000.000đ, từ đó đến nay chị Bích không thanh toán cho anh, dù anh đã nhiều lần gặp chị Bích yêu cầu thanh toán nợ. HĐXX xét thấy

lời trình bày của anh Thảo là có đủ cơ sở để chấp nhận, dù trong quá trình xây dựng hồ sơ không làm việc được với chị Bích, nhưng trong hồ sơ do anh Thảo cung cấp là có biên nhận mua bán tôm của chị Bích thể hiện việc mua bán giữa anh Thảo và chị Bích, nên cần buộc chị Bích phải có nghĩa vụ trả nợ anh Thảo số tiền 70.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 10/01/2010 đến nay là 12 tháng 18 ngày lãi xuất do ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 10%/năm.x 150 lần (70.000.000đ x 1.250%/tháng x 12 tháng 18 ngày = 16.275.000đ)

Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị Diệp Ngọc Bích vẫn không có mặt theo giấy triệu tập, vào ngày 08/04/2010 BDN áp 2 – Phong Thạnh Đông A – Giá Rai - Bạc Liêu xác nhận chị Diệp Ngọc Bích không có mặt ở địa phương, đã bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn, vào ngày 05/08/2010 Tòa án căn cứ điều 331 bộ luật tố tụng dân sự thông báo tìm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, nhưng chị Bích vẫn không có mặt để làm việc, Tòa án cũng đã làm thủ tục niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại địa phương nơi chị Bích cư trú, Tòa án quyết định xử vắng mặt chị Bích theo quy định của pháp luật.

khoản chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo nhân dân ; đài tiếng nói Việt Nam) tại TP Cần thơ với số tiền 2.700.000đ, chị Diệp Ngọc Bích có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Huỳnh Thanh Thảo.

Án phí bà Diệp Ngọc Bích phải nộp 4.313.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Anh Huỳnh Thanh Thảo không phải nộp án phí, Số tiền tạm ứng án phí 1.800.000đ lai thu số 002761 ngày 18 tháng 03 năm 2010, sẽ được hoàn lại đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 điều 25 BLTTDS và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Văn dùng niên 290 BLDS

1/ Tuyen xâu : chaáp nhaän ñôn khôûi kieän cuûa anh Huønh Thanh Thảo kieän bà Diệp Ngọc Bích ñoài số tieàn 70.000.000ñ, và tieàn lãi theo quy ñịnh của nhà nước veà hôïp ñoàng mua baùn tôm sú thit.

2/ Buôäc bà Diệp Ngọc Bích coù nghóa vuï thanh toaùn nôï cho anh Huønh Thanh Thảo : 70.000.000ñ tieàn vốn và 8.820.000đ tieàn lãi.

3/ khoản chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (Báo nhân dân ; đài tiếng nói Việt Nam) tại TP Cần thơ với số tiền 2.700.000đ, chị Diệp Ngọc Bích có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Huỳnh Thanh Thảo.

4/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Diệp Ngọc Bích phải nộp 4.313.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Anh Huỳnh Thanh Thảo không phải nộp án phí, Số tiền tạm ứng án phí 1.800.000đ lai thu số

002761 ngày 18 tháng 03 năm 2010, được hoàn lại đủ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM

CHỦ TỌA

HỘI THẨM

TOÀA AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIEÄT NAM

COÄNG HOÀA XÃ HOÃI CHUÛ

HUYEÄN GIAÙ RAI
PHUÙC

NỎÁC LAÁP - TỎI DO - HAĨNH

TẶNH BÃIĆ LIEÄU

Baùn aùn soá: 43/ DSST

Ngaøy: 20/12/2010

Thuĩ lyù soá:103/DSST

Ngaøy: 11/11/2010

Tranh chaáp hợp ðồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tài**

Các hội thẩm nhân dân:

1/- **Thạch Vũ**

2/- **Trương Thị Hương**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Lê Khắc Hải**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giá Rai.

Ngày 20 tháng 12 năm 2010, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2010/ TLST – DS ngày 11 tháng

11 năm 2010 về tranh chấp “ hợp đồng mua bán” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2010/ QĐST – DS ngày 02 tháng 12 năm 2010 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Trần Tiến Sỹ** Sinh năm 1953
Nguyễn Văn Cường Sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: ấp 9 – Phong Thạnh Đông – Giá Rai - Bạc Liêu

- Bi đơn: Ông ***Ngô Chí Dũng*** Sinh năm 1960

- Địa chỉ: Ấp 2 – TT Giá Rai – Giá Rai - Bạc Liêu

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường trình bày: vào ngày 24/08/2010, hai ông có hợp đồng mua bán với ông Ngô Chí Dũng phó giám đốc công ty Minh Hiếu địa chỉ ấp 2 thị trấn Giá Rai 16 cây xanh giá mỗi cây 2.000.000đ, tổng số 16 cây bằng 32.000.000đ, loại cây và chất lượng đúng theo quy cách hai bên đã thỏa thuận, sau khi ký hợp đồng, ông Sỹ và anh Cường đã nhận 8.000.000đ tiền đặt cọc của ông Dũng, sau khi ký hợp đồng khoảng 10 ngày ông Sỹ và anh Cường giao cây xanh cho ông Dũng số lượng là 8 cây, ông Dũng là người trực tiếp nhận, khi nhận ông Dũng không có ý kiến gì, việc giao nhận không làm giấy tờ, sau thời gian khoảng 8 ngày kể từ lần giao trước ông Sỹ và anh Cường giao cây cho ông Dũng lần thứ hai với số lượng 8 cây là đủ số lượng theo hợp đồng hai bên đã ký kết, ông Dũng cũng là người trực tiếp nhận cây do ông Sỹ và anh Cường giao, khi giao cây lần 2 ông Sỹ và anh Cường nhận của ông Dũng thêm 12.000.000đ tổng cộng ông Sỹ và anh Cường đã nhận của ông Dũng là 20.000.000đ, số còn lại 12.000.000đ hai bên thỏa thuận sau khi trồng cây vào chậu được 45 ngày nếu cây không chết thì ông Dũng sẽ trả cho ông Sỹ và anh Cường đủ, nhưng khi đủ 45 ngày kể từ ngày đưa cây vào chậu ông Sỹ và anh Cường xuống nhận tiền thì ông Dũng không trả tiền mà cho rằng cây của ông Sỹ và anh Cường không đúng chất lượng theo thỏa thuận, nên đã tự ý di dời cây đi nơi khác.

Nay ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ngô Chí Dũng phải trả cho hai ông số tiền còn lại 12.000.000đ theo hợp đồng đã ký kết.

Ông Ngô Chí Dũng trình bày: ông Dũng có đại diện công ty TNHH Minh Hiếu ký hợp đồng kinh tế không số ngày 24/08/2010 đối với ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường mua 16 cây xanh với giá 2.000.000đ/cây bằng 32.000.000đ, trong hợp đồng không thể hiện rõ quy cách cây, nhưng quy cách cây hai bên thể hiện bằng miệng là theo hàng cây trước khu hành chính Huyện Giá Rai, cao từ 2,3m trở lên, đường kính cây chính phải từ 40cm trở lên, cây phải có hình dáng như các cây trước khu hành chính Huyện Giá Rai, đến khi giao cây ông Sỹ và anh Cường giao cây không đúng theo quy cách mà hai bên

đã thỏa thuận nên ông không nhận, ông Dũng đã cho di dời số cây mà ông Sỹ và anh Cường giao đi nơi khác, hiện ông đang nhờ người khác chăm sóc.

Nay ông Ngô chí Dũng yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa ông và ông Trần Tiến Sỹ, anh Nguyễn Văn Cường, yêu cầu ông Sỹ và anh Cường trả lại ông 20.000.000đ, yêu cầu tính lãi xuất theo quy định của nhà nước từ khi giao dịch đến nay. Và khoản chi phí di dời, tiền mướn người chăm sóc.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HĐXX nhận định: vào ngày 24/08/2010, ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường có bán cho ông Ngô Chí Dũng phó giám đốc công ty Minh Hiếu địa chỉ ấp 2 thị trấn Giá Rai 16 cây xanh giá mỗi cây 2.000.000đ, tổng số 16 cây bằng 32.000.000đ, là có xảy ra trên thực tế, loại cây và chất lượng hai bên tự thỏa thuận, sau khi ký hợp đồng, ông Sỹ và anh Cường đã nhận 8.000.000đ tiền đặt cọc của ông Dũng, sau khi ký hợp đồng khoảng 10 ngày ông Sỹ và anh Cường giao cây xanh cho ông Dũng, ông Dũng là người trực tiếp nhận, khi nhận ông Dũng không có ý kiến gì, việc giao nhận không làm giấy tờ, giao cây lần 2 ông Dũng cũng là người trực tiếp nhận cây do ông Sỹ và anh Cường giao, sau khi giao ông Sỹ và anh Cường nhận của ông Dũng thêm 12.000.000đ tổng cộng là 20.000.000đ, số còn lại 12.000.000đ hai bên thỏa thuận sau khi trồng vào chậu được 45 ngày nếu cây không chết thì ông Dũng sẽ trả cho ông Sỹ và anh Cường đủ, nhưng khi đủ 45 ngày kể từ ngày đưa cây vào chậu ông Sỹ và anh Cường xuống nhận tiền thì ông Dũng không trả tiền mà cho rằng cây của ông Sỹ và anh Cường không đúng chất lượng theo thỏa thuận, nên ông Dũng không trả tiền, và đã tự ý di dời cây đi nơi khác. HĐXX xét thấy căn cứ vào hợp đồng mà các bên đã ký kết có trong hồ sơ vụ kiện và lời trình bày của ông Sỹ, anh Cường có đầy đủ cơ sở để HĐXX chấp nhận bởi lẽ khi ông Sỹ và anh Cường giao cây cho ông Dũng lần đầu nếu cây không đủ quy cách theo thỏa thuận giữa hai bên thì tại sao ông Dũng không từ chối nhận và cũng không có ý kiến gì, đến khi giao cây lần hai ông Dũng cũng không có ý kiến gì về chất lượng của cây, nếu ông Dũng cho rằng cây không đủ chất lượng thì tại sao ông Dũng lại giao thêm 12.000.000đ cho ông Sỹ và anh Cường nhận, việc ông Dũng giao thêm 12.000.000đ sau khi nhận cây lần 2 đã chứng minh rằng ông Dũng đã chấp nhận số cây mà ông Dũng và anh Cường giao. từ những cơ sở nêu trên buộc ông Ngô Chí Dũng phải có nghĩa vụ trả ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường 12.000.000đ

Xét lời trình bày của ông Ngô Chí Dũng ông Dũng cho rằng vào ngày 24/08/2010 ông Dũng có mua của ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường mua 16 cây xanh với giá 2.000.000đ/cây bằng 32.000.000đ, trong hợp đồng không thể hiện rõ quy cách cây, nhưng quy cách cây hai bên thể hiện bằng miệng là theo hàng cây trước khu hành chính Huyện Giá Rai, cao từ 2,3m trở

lên, đường kính cây chính phải từ 40cm trở lên, cây phải có hình dáng như các cây trước khu hành chính Huyện Giá Rai, đến khi giao cây ông Sỹ và anh Cường giao cây không đúng theo quy cách mà hai bên đã thỏa thuận nên ông không nhận, ông Dũng đã cho di dời số cây mà ông Sỹ và anh Cường giao đi nơi khác, hiện ông đang nhờ người khác chăm sóc, ông yêu cầu huỷ hợp đồng, và yêu cầu ông Sỹ và anh Cường bồi thường các khoản chi phí khác, HĐXX xét thấy lời nại ra của ông Ngô Chí Dũng là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận bởi lẽ nếu ông cho rằng ông Sỹ và anh Cường giao cây cho ông không đúng quy cách, tại sao giao cây lần thứ nhất ông không từ chối nhận, mà ông vẫn để cho ông Sỹ và anh Cường đưa cây vào chậu, đến giao cây lần 2 ông vẫn để cho ông Sỹ và anh Cường đưa cây vào chậu, điểm đáng chú ý hơn cả là ông cho rằng ông Sỹ và anh Cường giao cây không đúng chất lượng, thì tại sao khi anh Cường và ông Sỹ giao cây lần 2 ông lại giao thêm tiền cho ông Sỹ và anh Cường là 12.000.000đ, từ những phân tích nêu trên xét thấy cần buộc ông Ngô Chí Dũng có nghĩa vụ trả ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường 12.000.000đ.

Án phí ông Ngô Chí Dũng phải nộp 600.000đ, tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Ông Trần Tiến Sỹ, anh Nguyễn Văn Cường không phải nộp án phí, Số tiền tạm ứng án phí ông Trần Tiến Sỹ dự nộp 200.000đ lai thu số 001779 ngày 11 tháng 11 năm 2010, Số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn Cường dự nộp 200.000đ lai thu số 001780 ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 điều 25 BLTTDS và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Văn dùng nĩa 290 BLDS

1/ Tuyên xâu : chấp nhận nĩa kĩa của ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường kĩa ông Ngô Chí Dũng đòi số tiền 12.000.000đ, về hĩa nĩa mua bĩa cây kĩa.

2/ Buộc ông Ngô Chí Dũng cĩa nghĩa vụ thanh toán nĩa cho ông Trần Tiến Sỹ và anh Nguyễn Văn Cường mỗi người là: 6.000.000đ (Sáu triĩa nĩa chĩa)

2/. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Ngô Chí Dũng phải nộp 600.000đ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá Rai. Ông Trần Tiến Sỹ, anh Nguyễn Văn Cường không phải nộp án phí, Số tiền tạm ứng án phí ông Trần Tiến Sỹ dự nộp 200.000đ lai thu số 001779 ngày 11 tháng 11 năm 2010, Số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn Cường dự nộp 200.000đ lai thu số 001780 ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giá Rai sẽ được hoàn lại đủ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM

CHỦ TOẠ

HỘI THẨM

TOẠ AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIEÄT NAM
HUYEÄN GIAÙ RAI
PHUÙC

COÄNG HOÜA XÃ HOÃI CHUÛ
ÑOÁC LAÄP - TÖÏ DO - HAÏNH

TẶNH BẮC LIÊU

Bản án số: 19/ ST- DS

Ngày : 24/08/2010

Thủ lý số : 172/DSST

Ngày : 10/11/2009

Tranh chấp QSD đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

- Thẩm Phán Chủ tọa phiên tòa : **Nguyễn Thị Ngoan**

- Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà : **Trương Thị Hương**

2/ Ông : **Mai Hoàng Phương**

Thô kỳ tòa án ghi biên bản phiên Tòa: **Lê Yến Ngọc**

Ngày 24/08/2010 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thủ lý số : 172/2009/TLST – DS ngày 10/11/2009 về việc “ tranh chấp QSD đất ” theo quyết định của vụ án ra xét xử số : 23/2010/QNXX – ST ngày 09/08/2010 giữa các đương sự :

* Nguyên đơn: **Đào Thị Ánh** Sn 1949

Đòa chæ: ấp 13 - Phong Thạnh Nông A - Giá Rai - Bắc Liêu

* Bị đơn: **Lâm Văn Cảnh** SN 1966

Nòa chæ: ấp 13 - Phong Thạnh Nông A - Giá Rai - Bắc Liêu

Ngõôi còu quyền lợi vào nghĩa vụ liên quan

**Nga haøng ngaøng nghiãp vào phaut triãøn ngaøng thoãn chi
nhaøn Huyeãn Giá Rai**

Nòa chæ: ấp 1 Thò Traán Hoà Phong Huyeãn Giá Rai, Tặnh Bắc Liêu

Do oàng: **Nguyeãn Höu Thuỷ** chòuc vụ Phòu giaùm ñoác ñaïi
dieãn

Nguyên đơn, bị đơn, ngõôi còu liên quan còu mặt tại phiên Tòa.

NHẬN THẮY

Trong đơn khởi kiện và bản ghi lời khai bà Đào Thị Ánh trình bày nguồn gốc đất bà đang sử dụng, tranh chấp với ông Lâm Văn Cảnh là bà mua của ông Lê Văn Hôn vào năm 1989, diện tích là 5 công tằm cấy, đến ngày 17/10/1995 bà được cấp QSD đất diện tích 6.650m² tại thửa 20, tờ bản đồ số 11, bà Ánh canh tác ổn định đến năm 2007 bà Ánh phát hiện ông Cảnh lấn chiếm phần đất của bà Ánh giúp ranh với ông Cảnh, bà Ánh làm đơn khiếu kiện đến cấp xã hòa giải không xong, chuyển về Tòa án thủ lý giải quyết cho đến nay, vào diện tích tranh chấp theo sổ sách là 34,30m², tại phiên Tòa ngày hôm nay bà Ánh yêu cầu

ông Cảnh phải trả lại QSD nhất cho bà Ánh là 34,30m² mà ông Cảnh đã lấn chiếm.

Về phía ông Lâm Văn Cảnh trình bày : nguồn gốc nhất ông đang sở hữu, ông mua lại của Lê Văn Xế vào năm 1991 diện tích 03 công tấc cây, đến năm 1993 ông được cấp QSD đất, tờ bản đồ số 11, thửa 199, diện tích 4.020m² ông Cảnh canh tác sở hữu cho đến năm 2007 thì xảy ra tranh chấp với bà Đào Thị Ánh về phần giáp ranh nhất với bà Ánh theo sổ sổ nhất là 34,30m², bà Ánh cho rằng ông Cảnh rong bờ đã lấn chiếm phần nhất của bà Ánh diện tích 34,30m², bản thân ông Lâm Văn Cảnh xác định. Diện tích nhất ông Cảnh đang sở hữu hiện ông Cảnh không cần QSD nhất, diện tích 4.020m² ông Cảnh là người chủ sở hữu nhất, tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Cảnh xác định ông Cảnh không cần lấn ranh nhất của bà Ánh diện tích 34,30m² theo yêu cầu của bà Ánh, anh Lâm Văn Cảnh có yêu cầu phản tố ông Cảnh cho rằng bà Đào Thị Ánh lấn chiếm đất của ông 34,30m²

Về phía Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh Huyện Giá Rai do ông Nguyễn Hữu Thủy đã đi xác định vào ngày 04/03/2010 với ông Lâm Văn Cảnh và bà Trương Thị Trinh có vay tiền Ngân hàng là 30.000.000đ, thời hạn trả tiền là ngày 24/01/2011, về phía Ngân hàng xác định nếu sẽ việc tranh chấp giữa ông Cảnh và bà Ánh làm thay đổi QSD nhất, hoặc làm giảm QSD nhất của ông Cảnh, thì Ngân hàng yêu cầu ông Cảnh, bà Trinh phải thanh toán trả nợ, và lãi trước thời hạn. Còn nếu diện tích ông Cảnh thế chấp QSD nhất cho Ngân hàng bỏ thay đổi, thì Ngân hàng không yu để cho với ông Cảnh thanh toán nợ theo hợp đồng khi hết hạn vào ngày 24/01/2011.

XEUT THÁY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã nộp thẩm tra tại phiên Tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa HXX nhận định : xét về nội yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ánh kiện ông Lâm Văn Cảnh đã lấn chiếm phần nhất giáp ranh giữa bà Ánh và ông Cảnh diện tích là 34,30m² là một yêu cầu không có căn cứ pháp luật, bởi lẽ tại phiên Tòa ngày hôm nay bà Ánh không có căn cứ gì để chứng minh rằng ông Lâm Văn Cảnh đã lấn chiếm phần nhất của bà Ánh có diện tích là 34,30m² nhờ bà Ánh đã khai báo tại phiên Tòa ngày hôm nay, mặt khác phần diện tích nhất của bà Ánh theo giấy chứng nhận QSD nhất tại thửa đang xảy ra tranh chấp thửa số 200 bản đồ số 11 có diện tích là 6.650m², chưa tách cho Ngô Công Khanh 1.530m² không trên kết quả khảo sát từ năm trước đây nên ngày 02/06/2010, thì diện tích đó nhất nhất của bà Ánh

là 6.089m^2 (đã trừ 1.530m^2 chuyển nhượng cho Ngô Công Khanh) hơn theo giấy chứng nhận QSD nhất mà bà Đào Thị Ánh nói là 969m^2 , nhiều hơn đã chứng minh nói rằng diện tích nhất của bà Ánh nói không bỏ giaâm, và không bỏ lấn chiếm nhất nhỏ bà Ánh nói khai.

Xét về lời trình bày của ông Lâm Văn Cảnh, tại biên bản ghi lời khai và đơn phản tố ông Cảnh cho rằng bà Đào Thị Ánh lấn nhỏ lấn chiếm phần nhất giúp ranh giới của bà Ánh và ông Cảnh diện tích là 34.30m^2 là một yêu cầu không có căn cứ pháp luật, bởi lẽ tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Cảnh không có căn cứ gì để chứng minh rằng bà Đào Thị Ánh nói lấn chiếm phần nhất của ông có diện tích là $34,30\text{m}^2$ nhỏ ông Cảnh nói khai báo trong hồ sơ và tại phiên Tòa ngày hôm nay, mặt khác phần diện tích nhất của ông Cảnh theo giấy chứng nhận QSD nhất tại thửa ruộng xây ra tranh chấp thửa số 199 tờ bản đồ số 11 có diện tích là 4.020m^2 , không trên kết quả khảo sát đo đạc thực tế của ngày 02/06/2010, thì diện tích đo đạc thực tế nhất của ông Cảnh là 4.433m^2 hơn theo giấy chứng nhận QSD nhất mà ông Lâm Văn Cảnh nói là 413m^2 , nhiều hơn nói chứng minh nói rằng diện tích nhất của ông Cảnh nói không bỏ giaâm, và không bỏ lấn chiếm nhất nhỏ ông Cảnh nói khai, và theo xác định của cô quan Tòa nguyên và môi trường diện tích nhất tranh chấp qua ruộng, cô quan chuyên môn không xác định nói phần diện tích tranh chấp $34,30\text{m}^2$ nằm trong quyền sử dụng nhất của ai. Tôi không căn cứ phân tích nhỏ nêu trên HXX xét thấy không thể thỏa mãn yêu cầu của bà Đào Thị Ánh kiện ông Lâm Văn Cảnh để nhỏ lại QSD nhất diện tích $34,30\text{m}^2$ nhỏ bà Ánh nói không kiện ông Cảnh phần diện tích nhất $34,30\text{m}^2$ tòa lại tại ấp 13 xã Phong Thạnh Nông A Huyện Giá Rai, và bác đơn phản tố của ông Lâm Văn Cảnh kiện bà Đào Thị Ánh đòi diện tích đất $34,30\text{m}^2$ nói nhỏ vò nhỏ sau :

Hồđồng Nông giáp Lâm Văn Cảnh có cạnh 83,45m

Hồđồng Tây Đào Thị Ánh có cạnh 82,65m

Hồđồng Nam có cạnh 0m

Hồđồng Bắc Huỳnh Thị Kiểm có cạnh 1,15m

Xét về phần nội Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Huyện Giá Rai số tiền 30.000.000đ, tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Lâm Văn Cảnh thỏa nhận có vay của Ngân hàng số tiền nói trên, và thời hạn thanh toán nội cho ngân hàng là vào ngày 24/01/2011, tại phiên Tòa ngày hôm nay nói diện Ngân hàng yêu cầu nếu việc tranh chấp QSD nhất giữa bà Ánh và ông Cảnh không làm thay đổi diện tích nhất nhỏ thừa chấp cho Ngân hàng, thì phía Ngân hàng nào yù cho ông Cảnh thanh toán nội theo thời hạn hợp nào nhỏ ký kết, thời hạn ông Cảnh trả nội gốc là ngày 24/01/2011. trên cơ sở yù kiến của Ngân hàng nhỏ trình bày, xét thấy cần ghi nhận yù kiến của Ngân hàng để cho ông Cảnh tiếp tục thời hạn hợp nào vay nội

theo thỏa thuận vôi Ngân hàng, thời hạn thanh toán nợ lao vào ngày 24/01/2011. Do nợ xuất phát khoảng cần trả cấp phần nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh Huyện Giá Rai nợ vôi ông Lâm Văn Cảnh, vì nợ không làm thay nợ hay phát sinh quyền vôi lợi ích của các bên.

Về tiền khấu suất nợ lãi nòng gia nợ nhất báo Đào Thị Ánh nợ đời nợ số tiền 600.000đ nợ chỉ phí hết khoảng nợ đời hoàn lại.

Về tiền phí DS ST báo Đào Thị Ánh phát nợ số tiền 300.000đ báo Ánh nợ đời nợ 300.000đ lại thu số 002666 ngày 10/11/2009 sẽ nợ đời nợ trả ôu giai nợ thanh toán. ông Lâm Văn Cảnh phải nợ 200.000đ, ông Cảnh đã nợ 200.000đ ngày 03/12/2009 lại thu số 002689 sẽ được đời ở giai đoạn thi hành án.

Bồi các nợ trên

Aùp đời khoản 7 nợ 25 BLTTDS vào phát lệnh số 10/2009 ngày 27/02/2009 của Ủy ban đời với Quốc Hội quy đời về tiền phí vào nợ phí

Văn đời khoản 1 nợ 136 luật nhất lại

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên xâu : không chấp nhận nợ không kiện của báo Đào Thị Ánh kiện ông Lâm Văn Cảnh về việc tranh chấp QSD nhất diện tích 34,30m², tọa lạc tại ấp 13 xã Phong Thạnh Nông A Huyện Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu. đời đời vôi nợ sau :

Hàng Ngang giáp Lâm Văn Cảnh cù cãnh 83,45m

Hàng Tây Đào Thị Ánh cù cãnh 82,65m

Hàng Nam cù cãnh 0m

Hàng Bạc Huyện Thị Kiểm cù cãnh 1,15m

giữ nguyên hiện trạng đất của bà Đào Thị Ánh có diện tích theo số đo thực tế như sau.

Hàng Ngang giáp Lâm Văn Cảnh cù cãnh 82,65m

Hàng Tây giáp kinh sáng cù cãnh 23,3m

Hàng Nam Ngô Công Khanh cù cãnh 53,50 + 91,85 m

Hàng Bạc Huyện Thị Kiểm cù cãnh 60 + 116,60 + 1 m

Tổng diện tích là : 6.089m² tại thửa 199, tờ bản đồ số 11, nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của bà Đào Thị Ánh

Không chấp nhận đơn phản tố của ông Lâm Văn Cảnh kiện bà Đào Thị Ánh về việc tranh chấp QSD nhất diện tích 34,30m², tọa lạc tại ấp 13 xã Phong Thạnh Nông A Huyện Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu đời đời vôi nợ sau :

Hàng Ngang giáp Lâm Văn Cảnh cù cãnh 83,45m

Hàng Tây Đào Thị Ánh cù cãnh 82,65m

Hồông Nam còu cãnh 0m

Hồông Baéc Hùynh Thị Kiểm còu cãnh 1,15m

giữ nguyên hiện trạng đất của ông Lâm Văn Cảnh có diện tích theo số đo thực tế như sau

Hồông Nôang giáp ông Sơn + ông Khái còu cãnh 141,35m

Hồông Tây giáp Đào Thị Ánh còu cãnh 33,95 + 82,65m

Hồông Nam Ngô Công Khanh còu cãnh 27,45 m

Hồông Baéc Hùynh Thị Kiểm còu cãnh 41,8 + 0,5 m

Tổng diện tích : $4.453m^2$ thòua soá 200 tồ baùn ñoà soá 11, nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của ông Lâm Văn Cảnh.

Về tiền kaùo saùt ño ñaít ñoanh giaù ñaát baø Đào Thị Ánh phaùì noáp 600.000ñ ñã chi phí hết không được hoàn lại

Về àùn phí DS ST baø Đào Thị Ánh phaùì noáp soá tieàn 300.000ñ baø Ánh ñaõ ñoì noáp 300.000ñ ngaøy 10/11/2009 lai thu soá 002666 seõ ñoòic ñoái troø ôu giai ñoan thi haønh àùn. Ông Lâm Căn Cảnh phải nộp 200.000đ, ông Cảnh ñã dự nộp 200.000đ ngày 03/12/2009 lai thu số 002689 sẽ được ñoì trừ tại chi cục thi hành án dân sự Huyện Giá rai,

Aùn xôu sô thaãm công khai còu maết nguyeân, bò ñôn, người còu quyeàn vaø nghóa vũ lieân quan, vaø nhữõng ngồoøi tham gia toá tuýng khaùc, baò cho hoi bieát hoi còu quyeàn choáng àùn, khaùng nghò trong haïn 15 ngaøy troøn keá tồ ngaøy tuyeân àùn.

HTND

CHỦ TỌA

HTND

**TRƯỜNG THỊ HƯƠNG NGUYỄN THỊ NGOAN MAI HOÀNG
PHƯƠNG**

TOÀ AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIỆT NAM
HUYEĂN GIAÙ RAI
PHUÙC
TÆNH BAÏC LIEÂU

COÅNG HOØA XÃ HOÃI CHUÙ
ÑÖÁC LAÁP - TÖÏ DO - HAÏNH

Baùn àùn soá : / ST- DS
Ngaøy : 10/04/2008
Hôïp ñoàng mua basn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

- *Thaảm Phaùn Chuù toĩa phieân toøa* : **Buøi Xuaân Thu** .
- Hoãi thaảm nhaân daân :

1/ OÂng :

2/ OÂng :

Thõ kỳù toøa àùn ghi bieân baùn phieân Toøa:

Ngaøy 10/04/2008 taïi truï sôu Toøa àùn nhaân daân huyeăn Giaù Rai xeùt xôu sô thaảm coång khai vuï àùn thuï lý soá : 24/2007/ TLST – DS ngaøy 03/04/2007 veà vieác “Hôïp ñoàng mua baùn” theo quyết ñònh ñoà vuï àùn ra xeùt xôu soá : 11/2008/QÑXX – ST ngaøy 21/03/2008 giôða caùc ñoàng sôï :

* Nguyên ñôn : **Cty dòch vuï VTKT nông nghiệp Baïc Lieâu**

- Ñòa chæ : 117 – 119 Hoøang vaên Thuï phồðong 3 TXBL.Tænh Baïc Lieâu
Do oâng : **Hoøang Vaên Nam** Chôùc vuï : phòu ban ñaïi dieãn

* Bò ñôn : **Traàn Minh Lyù**

Sinh naêm 1955

Ñòa chæ : aáp 18 xã Phong Tân , Huyeăn Giá rai, Baïc Lieâu
(Nguyên, bò ñôn coù maët taïi phieân Toøa)

NHAÏN THAÁY

Trong ñôn khôù kieãn vaø baùn töï khai oâng Nam ñaïi dieãn Cty dòch vuï vaät tö nông nghiệp Baïc Lieâu trình baøy: vaøo ngaøy 01/04/2004 Cty dòch vuï vaät tö nông nghiệp Baïc Lieâu coù kỳù hôïp ñoàng ñaïi lý soá : 19/HÑÑL/NN – 04 ñoái vớu oâng Traàn Minh Lyù, Toång giaù trò hôïp ñoàng laø 876.476.268ñ, trong ñoù coù nôï cuõ laø 268.467.568ñ. soá đồ nôï cuõa hôïp

ñoàng laø 608.507.700ñ. phöông thöuc thanh toàan baèng tieàn maët hoaëc chuyeån khoûan trong thôøi gian ghi nôi trên tờøng hoùa nân neáu:

Quùa haïn tờø 1- 30 ngaøy phaûi chòu laõi xuaát tờøng ñöông 1,27%/tháng

Quùa haïn tờø 31- 60 ngaøy phaûi chòu laõi xuaát tờøng ñöông 1,65%/tháng

Quùa trên 60 ngaøy phaûi chòu laõi xuaát tờøng ñöông 2,1%/tháng

Ñeán ngaøy khôûi kieån laø ngaøy 20/12/2006 oâng Lyù coøn nôi công ty tieàn haøng 207.346.076ñ vaø tieàn laõi laø 97.775.903ñ toảng coảng caù voán vaø laõi laø 305.121.979ñ. yeâu caàu oâng Lyù thanh toàan soá tieàn trên ñoái vôùi công ty, vaø yeâu caàu tính laõi tieáp tờø ngaøy khôûi kieån vaø ôû giai ñoïan thì haønh aùn, theo laõi xuaát do Ngaân haøng nhaø ñöôùc quy ñònh.

Oâng Lyù trình baøy: toái thòøa nhaân laø coù kyuù ñoàng ñaïi lyù soá : 19/HÑÑL/NN – 04 ñoái vôùi Công ty Dòch vuï vaät tö kyõ thuaät Baïc Lieâu, Toảng giaù trò hõp ñoàng laø 876.476.268ñ, trong ñoù coù nôi cuõ laø 268.467.568ñ. soá dö nôi cuõ hõp ñoàng laø 608.507.700ñ.

Nhöng tờø ngaøy 01/04/2004 ñeán ngaøy 02/04/2007 toái ñaõ traù công ty soá tieàn haøng laø: 756.831.808ñ trên toảng giaù trò hõp ñoàng, ñoái tröø soá nôi vaø soá ñaõ traù thì toái chæ coøn nôi Cty soá tieàn laø : 120.413.460ñ, toái thòøa nhaân soá nôi 120.413.460ñ ñoàng yù traù nôi, nhöng vì ñieàu kieån gaëp khoûi khaên khoảng theá traù 1 laàn ñöôïc xin traù laøm 03 laàn.

XEÙT THÁY

Sau khi nghiêân còu caùc taøi lieäu chòùng còu coù trong hoà sô ñaõ ñöôïc thaãm tra taïi phieån Toøa vaø caên còu vaøo keát quùa tranh luaän taïi phieån Toøa, HÑXX nhaân ñònh:

Ñaïi dieãn công ty dòch vuï vaät tö kyõ thuaät nông nghiêp Baïc Lieâu vaø oâng Traàn Minh Lyù hai beân thoảng nhaát vôùi nhau veà ngaøy tháng giao dich laø ngaøy 01/04/2004, veà soá hõp ñoàng, loaïi hõp ñoàng, giaù trò hõp ñoàng hai beân cuõng ñaõ thoảng nhaát ñöôïc vôùi nhau cuï theá laø :hõp ñoàng ñaïi lyù soá : 19/HÑÑL/NN – 04, Toảng giaù trò hõp ñoàng laø 876.476.268ñ, trong ñoù coù nôi cuõ laø 268.467.568ñ. soá dö nôi cuõ hõp ñoàng laø 608.507.700ñ.

Nhöng phaàn nôi thì hai beân khoảng thoảng nhaát ñöôïc vôùi nhau ñaïi dieãn công ty vaät tö kyõ thuaät nông nghiêp Baïc Lieâu, oâng Hoøang Nam yeâu caàu oâng Lyù phaûi thanh toàan tieàn haøng 207.346.076ñ vaø tieàn laõi laø tính ñeán ngaøy 20/12/2006 laø :97.775.903ñ toảng coảng caù voán vaø laõi laø 305.121.979ñ. vaø laõi phaùt sinh, cuõng nhö laõi ôû giai ñoïan thì haønh aùn.

Oâng Lyù cho raèng oâng chæ coøn nôi Công ty dòch vuï vaät tö kyõ thuaät Nông nghiêp Baïc lieâu soá tieàn haøng laø 120.413.460ñ oâng khoảng ñoàng yù theo yeâu caàu cuõ ñaïi dieãn Công Ty vì oâng traù tieàn haøng cho công ty laø oâng traù haøng tuaàn, vaø chính caùn boả công ty xuaát tröïc

tiếp nhận ông thu vào mỗi lần thu cùn bỏ công ty nên tôi ghi nhận vào sổ của ông. Còn sổ biên nhận kèm theo, qua xem xét thời tế sổ sách mà ông Lý cung cấp thì lỗi trình bày của ông Lý là hợp, bởi vì những con số vào chỗ kỳ trong sổ do ông Lý cung cấp nên diện công ty ông Nam thừa nhận nên chính là chỗ kỳ cùn bỏ của công ty ông, còn về phần lỗi ông Nam nên diện công ty cho rằng ông Lý vi phạm hợp đồng yêu cầu tính lãi từ ngày 01/04/2004 nên khi xét xử vào lỗi ôu giai nên thì hañh àn là không có căn cứ, bởi vì theo hợp đồng nào kỳ kết giữa hai bên vào ngày 01/04/2004 vào sổ nhận tiền của nhân viên công ty nói với ông lý cũng biết nên vào ngày 01/04/2004, mà cho rằng ông Lý vi phạm hợp đồng là không hợp hợp vào hợp đồng kỳ kết giữa hai bên nên mỗi ngày 08/04/2005 mới nên thanh lý, vào trong biên bản thanh lý hợp đồng cũng không thể hiện ông Lý nào vi phạm hợp đồng, vẫn nên nên công nhận phần nói ông Lý nào trả, vào hợp đồng cũng không có phần phụ lục cho ông Lý thanh toán tiền hàng ngày những công ty vẫn chỉ thu tiền hàng ngày từ khi hợp đồng biết nên kỳ kết nên khi Tòa án thụ lý vụ kiện, có nghĩa là hai bên mặc nên nào có phụ lục hợp đồng mà khi phát sinh tranh chấp lại nên tiền lãi từ khi giao dịch là không hợp hợp nên không nên chấp nhận.

Tôi những căn cứ trên

QUYẾT ĐỊNH

Aùp ðiång nên Bỏ luật dân số nên CHXHCNVN, nên nên 70 của chính phủ quy nên về àn phí, lãi phí Tòa án.

Tuyên xử : chấp nhận một phần nên khôn kiện của Cty dòch vũ vật tổ kỹ thuật nông nghiệp Bắc Liêu do ông Hoàng Văn Nam, Phó ban – nên diện nói với bỏ nên ông Trần Minh Lý.

Buộc ông Trần Minh Lý phải có nghĩa vụ trả Công ty Dòch vũ Vật tổ kỹ thuật nông nghiệp Bắc Liêu số tiền là :120.413.460 nên khi àn có hiệu lực pháp luật.

Aùp ðiång khôn 3 phần 1 thoång tổ liên tịch số 01 ngày 19/06/1997 trong giai nên thì hañh àn.

Buộc bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán số tiền thời tế nào vay cưỡng với số tiền lãi kể từ khi giao dịch nên khi thì hañh àn xong theo mức lãi xuất tổng ồng do Ngân hàng nên nên quy nên.

Aùn phí DS ST Cty dòch vũ vật tổ kỹ thuật nông nghiệp Bắc Liêu phải nộp 3.057.664 nên, Cty nào đổi nộp 6.068.000 nên theo lai thu số : 003929 ngày 03/04/2007 nên khaáu trở 3.057.664 nên, Cty còn nên nên lại

3.010.336 ñ tại Cô quan thi haønh àun daân söi Huyeän Gía rai. OÂng Traàn Minh Lyù phaûi noäp àun phí

Baùo cho caùc ñöông söi bieát coù quyena khaùng caùo trong haïn 15 ngaøy troøn keå töø ngaøy tuyeân àun.

Nôi nhaän :

Toøa àun Tænh
VKS cuøng caáp
Thi haønh àun
Ñöông söi
Löu Hoà sô

TM- HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ
Thaâm phaùn – chuû toïa

TOÀ AÙN NHAÂN DAÂN
NGHÓA VIỆT NAM
HUYỆN GIÁ RAI
PHƯỚC
TỈNH BẮC LIÊU

COÁNG HÒA XÃ HÒI CHU
ÑOÁC LAÁP - TỎI DO - HÃNH

Baùn aùn soá :34/ ST- DS
Ngàøy : 16/11 /2009
Thuĩ lyù soá : 104/2009
Ngàøy : 31/08/2009
Tranh chaáp QSD ñaát

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIÁ RAI

VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ GỒM CÓ

- *Thaảm Phaùn Chuũ toĩa phieân toĩa* : **Baø Nguyeãn Thò Ngoan**

- Hoãi thaảm nhaân daân :

1/- Baø : **Cao Thò Myõ Phồõing**

2/- Baø : **Trồõng Thò Hồõng**

Thò kỳu toĩa aùn ghi bieân baùn phieân Toĩa: **Leâ Khaéc Haũ**

Ngàøy 16/11/2009 tại trụ sở Tòa aùn nhaân daân huyeãn Giá Rai xeùt xõu sô thaảm coáng khai vũ aùn thuĩ lyù soá: 104/2009/TLST – DS ngàøy 31/08/2009 veà vieác “tranh chaáp QSD ñaát” theo quyếát ñònh ñoà vũ aùn ra xeùt xõu soá: 33/2009/QÑXX – ST ngàøy 20/ 09/2009 giõõa caùc ñồõng sõi :

* Nguyeân ñôn: **Leâ Vaên Luaãn** Sinh naêm 1956

- Ñòà chæ : aáp 19 – Phong Taân – Giá Rai – Bắc Liêu

* Bò ñôn : **Leâ Vaên Cuoắc** Sinh naêm 1958

- Ñòà chæ : aáp 5 – Phong Taân – Giá Rai - Tỉnh Bắc

* Ngồõoi coù quyềaøn vaø nghóa vũ lieân quan :

Oâng Leâ Vaên Chính (Leâ Vaên Suõng) SN 1930

Ñòà chæ : aáp 19 - Phong Taân – Giá Rai – Bắc Liêu

(Nguyeân ñôn, bò ñôn, Ngồõoi coù lieân quan coù maët tại phieân toĩa)

NHAÂN THÁY

Theo ñôn vaø lòõ trình baøy cuõa oâng Leâ Vaên Luaãn nguoaøn goác ñaát hieãn ñang tranh chaáp laø cuõa cha meĩ oâng ñeã laĩ cho vớ choàng oâng tồ naêm 1979 ñeãn nay, phaàn ñaát naøy do oâng ñòùng teãn giaáy chồùng nhaãn QSD ñaát. dieãn tích theo giaáy chồùng nhaãn laø 17.020m² tồ baùn ñoà soá 12 thõa 0035. toã laĩ tại aáp 19 xã Phong Taân Giá Rai – Bắc Liêu. Oâng ñồõic caáp theo quyếát ñònh soá 285/QÑ – UB ngàøy 26/08/1995 cuõa UBND Huyeãn Giá Rai.

Dieãn tích tranh chaáp ngang 9m daõi 19,4m

Hồông Nõang giàup Lê Vaên Cuoăc

Hồông Tây giàup Lê Vaên Luaăn

Hồông Nam giàup Lê Vaên Luaăn

Hồông Băc giàup Lê Vaên Luaăn

Phaần năát nøy lơ 01 cùi ao tở xỏ nẻn nay, vảo thỏi nẻm năm 2007 ông lấp cùi ao nẻ troàng lủa, khi ông lấp cùi ao thì ông Cuoăc ra ngẻn củn kỏng cho ông sang lấp, nẻn phaut sinh tranh chấp , nay ông yẻu cầu Toỏa àn giũi quẻát bủo veỏ quẻàn lỏii cho ông, hiẻn nay ông kỏng sủi đửng nỏỏic phaần năát nøy, mảo ông nỏ nỏỏic nhỏ nỏỏic cắp QSD năát, vảo ông trỏic tiẻp canh taut tở nỏ nẻn nay.

ông Lê Vaên Cuoăc trĩnh bẫy : ông vảo ông Lê Vaên Luaăn lơ anh em ruỏt cườg cha cườg mẽ, hiẻn nay cha mẽ ông vảo cỏn soẻng tẻi áp 19 xỏ Phong Tẻn, Hủẻn Gía rẻi, Bẻc Liẻu, nguỏn gỏc năát hiẻn ông vảo ông Luaăn nẻng tranh chấp lơ cha mẽ ông cho ông vảo năm 1982, dieẻn tích tranh chấp ngang 9,4m dẻi 17,4m, lơ mỏt cùi ao, ông sủi đửng vảo mủic nẻch nuỏi củi, ông trỏic tiẻp sủi đửng tở nỏ nẻn nay, vảo trẻn năát ông củi troàng 02 bủi tre, 08 bủi bẻn bẻt, 01 bủi chuoái nhỏng ông chỏ nỏỏic cắp QSD năát, nẻn năm 2007 cha con ông Luaăn ra lấp cùi ao nẻn xủy ra tranh chấp, phaần năát tranh chấp nỏỏic nỏn vỏ nhỏ sau.

Hồông Nõang giàup Lê Vaên Cuoăc

Hồông Tây giàup Lê Vaên Luaăn

Hồông Nam giàup Lê Vaên Luaăn

Hồông Bẻc giàup Lê Vaên Luaăn

Ông Cuoăc yẻu cầu Toỏa àn xem xẻt giũi quẻát buỏc ông Luaăn trủi lẻi phaần năát trẻn cho ông, vì phaần năát nøy ông nỏ nỏỏic cha mẽ ông cho tở năm 1982 nẻn nay.

Ông Lê vẻn Chẻn (Lê Vaên Suẻng)trĩnh bẫy Lê Vaên Luaăn vảo lê Vaên Cuoăc nẻn lơ con trai của ông, Luaăn lơ con trai lỏn khi ra riẻng ông cho năát Luaăn nhẻu hỏn, khi Cuoăc ra riẻng ông cho năát Cuoăc ít hỏn Luaăn, cùi ao Luaăn vảo Cuoăc hiẻn nẻng tranh chấp lơ ông cho Cuoăc, chỏ kỏng phaut cho Luaăn, ông nỏ giũi quẻát nhẻu làn ôủ gia nẻn, nhỏng kỏng giũi quẻát nỏỏic, nẻnh bẻt lỏic vủi con, nay ông yẻu cầu cỏ quan chỏc nẻng giũi quẻát bủo veỏ quẻàn lỏii cho Cuoăc, vì phaần năát nøy Cuoăc xủi đửng tở khi ông cho nẻn nay.

XEUR THẢY

Sau khi nghiẻn cỏu cẻt tẻi liẻu chỏng củi củi trong hoả sỏ vủi àn, nỏ nỏỏic thẻm tra tẻi phẻn Toỏa, vảo cẻn củi vảo kẻt quẻa tranh lủẻn tẻi phẻn toỏa, HNX nhẻn nỏn. Xẻt nỏn kỏủi kẻẻn của ông LêVaên Luaăn cho rẻng nguỏn gỏc năát hiẻn nẻng tranh chấp lơ của cha mẽ

oâng cho vôỉ choàng oâng tờ naêm 1979 ñeán nay, oâng ñaõ ñöôïc cô quan coù thaãm quyềøn caáp giaáy chöùng nhaän QSD ñaát. Phaàn ñaát maø oâng Lê Vaên Cuoác ñang tranh chaáp vôùi oâng naêm trong toảng dieãn tích theo giaáy chöùng nhaän laø 17.020m² tờ baùn ñoà soá 12 thöùa 0035. toaï laïc tại aáp 19 xã Phong Tân Giàu Rai – Băc Liêu.

Dieãn tích tranh chaáp ngang 9m daøi 19,4m

Hồuông Nông giúp Lê Vaên Cuoác

Hồuông Tây giúp Lê Vaên Luaân

Hồuông Nam giúp Lê Vaên Luaân

Hồuông bác giúp Lê Vaên Luaân

Phaàn ñaát tranh chaáp laø 01 caùl ao, naêm 2007 oâng laáp caùl ao ñeã troàng lua, khi oâng laáp caùl ao thì oâng Cuoác ra ngaên caùn khoâng cho oâng sang laáp, oâng Cuoác cho raêng caùl ao naøy laø cuùa oâng Cuoác, oâng Luaân yeâu caàu Toà aùn giaùl quyết baùo veã quyềøn lôl cho oâng, vì hieãn nay oâng khoâng sôu dũng ñöôïc phaàn ñaát naøy, luôn bò oâng Cuoác ngan caùn

Oâng Lê Vaên Cuoác trình baøy nguoàn goác ñaát hieãn oâng vaø oâng Luaân ñang tranh chaáp laø cha meï oâng cho oâng vaøo naêm 1982, dieãn tích tranh chaáp ngang 9,4m daøi 17,4m, laø moät caùl ao, oâng sôu dũng vaøo muïc ñích nuôi caù, oâng tröïc tieáp sôu dũng tờ ñoà ñeán nay, vaø treân ñaát oâng coù troàng 02 buïi tre, 08 buïi bình baùt, 01 buïi chuoái ñhông oâng chöa ñöôïc caáp QSD ñaát, ñeán naêm 2007 cha con oâng Luaân ra laáp caùl ao ñeán xâu ra tranh chaáp, phaàn ñaát tranh chaáp ñöôïc ñoàn vò ñhõ sau.

Hồuông Nông giúp Lê Vaên Cuoác

Hồuông Tây giúp Lê Vaên Luaân

Hồuông Nam giúp Lê Vaên Luaân

Hồuông bác giúp Lê Vaên Luaân

Oâng Cuoác yeâu caàu Toà aùn xem xeùt giaùl quyết buoác oâng Luaân traù laïi phaàn ñaát treân cho oâng, vì phaàn ñaát naøy oâng ñaõ ñöôïc cha meï oâng cho tờ naêm 1982 ñeán nay. oâng laø ngöôøi tröïc tieáp sôu dũng vaøo vieäc nuôi caù, nuôi vòt, troàng caây ñhõ Băch ñaøn, tre, bình baùt, ñhông oâng chöa ñöôïc caáp QSD ñaát, vì oâng ñhõ ñaát laø cuùa cha meï cho, hieãn cha meï vaãn coøn soáng, oâng vaø oâng Luaân laïi laø anh em ruoät, vaø vieäc oâng Luaân ñöôïc caáp QSD ñaát caù phaàn ñaát tranh chaáp hieãn oâng ñang quaùn lý vaø sôu dũng laø oâng khoâng heà bieät, ñeán khi tranh chaáp xâu ra oâng mõi bieät laø phaàn ñaát oâng ñang sôu dũng naêm trong QSD cuùa oâng Luaân. Oâng yeâu caàu Toà aùn xem xeùt baùo veã quyềøn lôl hõp phaùp cho oâng.

Oâng Lê Vaên Chính (Lê Vaên Suông) laø cha cuùa oâng Lê Vaên Luaân vaø Lê Vaên Cuoác trình baøy oâng ñaõ 79 tuổl, ñhông vaãn coøn minh mãn, ngöôøi naøo cuõng laø con oâng, oâng tòi 09 ngöôøi con chöu khoâng phaùl coù 02 ngöôøi, oâng khoâng thöông ngöôøi naøo ñhieu, ngöôøi naøo ít,

phaàn ñaát hieän Luaän vaø Cuoäc ñang tranh chaáp laø oâng cho cuoäc, chöu khoâng Luaän, vì khi oâng cho laø oâng coù coâng boá cho caù nhaø bieát chöu khoâng phaùu noùi vôùi caù nhaän ai, chuyeân gia ñình oâng khoâng töø giaùu quyéat ñöôïc, nay oâng yeâu caàu Toøa àun baùo veà quyèan löï cho Cuoäc.

Qua löï trình baøy cuûa caùc beân HÑXX xeùt thaáy nguoàn goác ñaát hieän ñang tranh chaáp laø cuûa oâng Lê Vaên Chính (Lê Vaên Suøng) cho con trong hoà sô cuøng nhö taïi phieân Toøa oâng Chính ñeàu khaúng ñoanh raèng phaàn dieän tích ñaát tranh chaáp laø caù ai laø oâng cho oâng Cuoäc, chöu khoâng cho oâng Luaän, caùc anh chò em cuûa oâng Cuoäc xaùc ñoanh oâng Chính cho oâng Cuoäc. vaø thöïc teá oâng Cuoäc ñaø söu duïng caù ai ao naøy töø khi ñöôïc cho ñeán nay vaøo muïc ñích chaên nuôi vaø troàng caây treân theàm ao, khi oâng Cuoäc söu duïng oâng Luaän cuøng khoâng coù yù kieán gì, maëc duø oâng Luaän ñaø coù giaáy chöùng nhaän QSD ñaát, nhöng thöïc teá thì oâng Luaän khoâng coù söu duïng phaàn ñaát noùi treân, taïi phieân toøa oâng Luaän trình baøy oâng muoán cho phaàn ñaát thaúng deã canh taùc, khoâng chuoát caén phaùu neân oâng möi ban caù ai ao treân vaø dieän tích ñaát naøy naèm trong QSD ñaát cuûa oâng neân oâng khoâng cho oâng Cuoäc canh taùc, löï trình baøy cuûa oâng laø khoâng mang tính thuyéat phuïc. Do vaäy HÑXX khoâng coù cô söu ñeã xem xeùt cho oâng.

Bôui caùc leõ treân

Aùp duïng khoûan 7 ñieàu 25 BLTTDS

Vaän duïng caùc dieàu 255, 256 BLDS khoûan 1 ñieàu 136 luaät ñaát ñai, vaø nghò ñoanh soá 70/NÑ – CP ngaøy 12/06/1997 cuûa chính phuû quy ñoanh veà àun phí vaø leã phí

QUYEÁT ÑOANH

1/ Xöu khoâng chaáp nhaän ñoanh khöui kieán cuûa oâng Lê Vaên Luaän kieán oâng Lê Vaên Cuoäc veà vieäc tranh chaáp QSD ñaát.

2/ Oâng Lê vaên Cuoäc coù quyèan yeâu caàu cô quan chöu naèng ñieàu chaénh giaáy chöùng nhaän QSD ñaát cho oâng.

Phaàn chi phí ño ñaít oâng Luaän ñaø döï noáp 600.000ñ, ñaø chi phí haét khoâng ñöôïc hoøan laïi.

Aùn phí dân söi sô thaâm coù giaù ngaïch oâng Lê Vaên Luaän phaùu noáp 248.410ñ taïi cô quan thi haønh àun dân söi Huyeän Giá Rai. Oâng Luaän ñaø döï noáp 500.000ñ ngaøy 31/08/2009 lai thu soá 001329 seõ ñöôïc ñoái troø ôu giai ñoanh thi haønh àun.

3/ Baün àun, Quyéat ñoanh ñöôïc thi haønh theo quy ñoanh taïi Ñieàu 2 Luaät thi haønh àun dân söi thì ngöôøi ñöôïc thi haønh àun dân söi, ngöôøi phaùu thi haønh àun dân söi coù quyèan thoaù thuaän thi haønh àun, quyèan yeâu caàu thi haønh àun, töï nguyeän thi haønh àun hoaëc bò cöôõng cheá thi haønh àun theo quy ñoanh taïi caùc ñieàu 6,7 vaø 9 Luaät thi haønh àun dân söi;

thời hiệu thi hành àn nội thời hiệu theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Àn xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên nhân, bỏ nhân vào những người tham gia tố tụng khác, bảo cho họ biết họ có quyền chống án, kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM- HOÀI NÔNG XUẤT XƯ

Nội nhân :

Thẩm phán –

chủ tọa

Tòa án Tỉnh

VKS công cấp

Thi hành án

Nông sự

**BỘ CÔNG AN – VIỆN KIỂM
SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
– TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO – BỘ TƯ PHÁP**

Số: 08/2015/TTLT-BCA-
VKSNDTC-TANDTC-BTP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh
phúc**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 11
năm 2015*

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỂM CỦA THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ
17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP NGÀY 24/12/2007 CỦA**

BỘ CÔNG AN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO, TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, BỘ TƯ PHÁP HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH TẠI CHƯƠNG XVIII "CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY" CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

*Căn cứ **Nghị quyết số 96/2015/QH13** ngày 26/6/2015 của Quốc hội khóa XIII về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự;*

*Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999 (sau đây viết gọn là **Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT**),*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a tiết 1.1 mục 1 Phần I như sau:

"a) Đối với các chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch hoặc chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng thì không coi toàn bộ dung dịch hoặc dung dịch pha loãng này là chất ma túy ở thể lỏng mà cần xác định hàm lượng chất ma túy trong dung dịch để tính, trọng lượng chất ma túy đó.

Ví dụ: Thuốc phiện, hêrôin được hòa thành dung dịch thì không coi toàn bộ dung dịch này là chất ma túy ở thể lỏng mà cần xác định hàm lượng moócphin cùng với các thành phần khác của thuốc phiện trong dung dịch để tính trọng lượng của thuốc phiện hoặc xác định hàm lượng moócphin cùng với các thành phần khác của hêrôin để tính trọng lượng hêrôin".

2. Sửa đổi, bổ sung tiết 1.4 mục 1 Phần I như sau:

"1.4. Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau:

a, Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;

b, Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;

c, Xái thuốc phiện;

d, Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d tiết 1.4 Mục này, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật.

Nếu chất được giám định không phải là chất ma túy hoặc không phải là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, nhưng người thực hiện hành vi phạm tội ý thức rằng chất đó là chất ma túy hoặc chất đó là tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy, thì tùy hành vi phạm tội cụ thể mà truy cứu trách nhiệm hình sự người đó theo tội danh quy định tại khoản 1 của điều luật tương ứng đối với các tội phạm về ma túy.

Trường hợp một người biết là chất ma túy giả nhưng làm cho người khác tưởng là chất ma túy thật nên mua bán, trao đổi... thì người đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm về ma túy mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 Bộ luật Hình sự, nếu thỏa mãn các dấu hiệu khác nữa trong cấu thành tội phạm của tội này. Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng."

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với người thực hiện hành vi phạm tội trước ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành, nếu các hướng dẫn trong Thông tư liên tịch này làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự so với các hướng dẫn trong Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT thì được áp dụng khi điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

2. Đối với các trường hợp mà người phạm tội đã bị kết án đúng theo Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì không áp dụng hướng dẫn của Thông tư liên tịch này để kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2015. Bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm đ tiết 3.7 mục 3 Phần II; điểm b tiết 7.3 mục 7 Phần II; mục 8 Phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư liên tịch nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh về Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để có hướng dẫn kịp t

> **Bài viết chuyên môn**

MỘT SỐ VƯỚNG MẮC TẠI THÔNG TƯ SỐ 08/2015/TTLTT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP NGÀY 14/11/2015.

23/2/2016 08:42

Thông tư số 08/2015/TTLTT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 có hiệu lực, trong quá trình triển khai phát sinh những vướng mắc. Bài viết dưới đây của Tiến sỹ: Phạm Minh Tuyên - Chánh án TAND tỉnh Bắc Ninh sẽ chỉ ra những vướng mắc đó.

Một số vướng mắc tại Thông tư số 08/2015/TTLTT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015

TS. Phạm Minh Tuyên

Chánh án TAND tỉnh Bắc Ninh

Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS năm 1999 (sau đây gọi tắt là Thông tư 17). Trong Thông tư 17 có một số vấn đề hướng dẫn hết sức quan trọng, đặc biệt là hướng dẫn tại tiết 1.4 Mục 1 Phần I đó là ***“Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại, hàm lượng, trọng lượng chất ma túy, tiền chất...”***. Song không hiểu do vô tình hay cố ý, mà một thời gian dài các Cơ quan tiến hành tố tụng từ địa phương đến Trung ương đều không thực hiện đúng hướng dẫn tại tiết 1.4 mục 1 Phần I của Thông tư 17. Chỉ đến khi Tòa án nhân dân tối cao có Công văn số 234 ngày 17/9/2014 (gọi tắt là Công văn 234), yêu cầu các Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự cần quán triệt và thực hiện đúng hướng dẫn tại tiết 1.4 Mục 1 Phần I như đã nêu, theo đó khi xét xử các vụ án về ma túy thì phải có kết quả trưng cầu giám định hàm lượng ma túy trong các chất thu giữ nghi là ma túy để lấy đó làm căn cứ kết tội và quyết định hình phạt với bị cáo nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác trong xét xử. Sau khi có Công văn 234, thì đã có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này, đặc biệt là Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đồng tình với nội dung của Công văn 234, bắt bẻ về từ ngữ trong hướng dẫn tại Thông tư 17 cũng như nêu những khó khăn khi giám định hàm lượng và cho rằng việc bắt buộc giám định hàm lượng dẫn đến việc tồn đọng các vụ án về ma túy, gây

khó khăn cho công tác điều tra, không đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy trong tình hình hiện nay.

Tuy có nhiều ý kiến khác nhau, song chúng tôi khẳng định rằng nội dung của Công văn 234 không phải là hướng dẫn mới gây cản trở hoạt động tố tụng như một số ý kiến phản hồi mà chỉ là việc quán triệt, yêu cầu các Tòa án thực hiện đúng hướng dẫn tại Thông tư 17 mà thôi. Chúng tôi nghĩ việc giám định hàm lượng các chất ma túy trong các vụ án về ma túy là hết sức cần thiết, bảo đảm cho việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan sai trong hoạt động tố tụng. Theo từ điển tiếng Việt thì hàm lượng là ***“lượng của một chất chứa trong một hỗn hợp hoặc trong một chất nào đó, tính bằng %”***. Như vậy, có thể hiểu hàm lượng chất ma túy là phần trăm chất ma túy có trong chất nghi là ma túy được giám định, cũng như tại Công văn số 20542 của Cục quản lý Dược ngày 25/11/2014 cũng đã có ý kiến là ***“... Việc bắt buộc giám định hàm lượng của các chất ma túy trong các chất thu giữ nghi là chất ma túy là thực sự cần thiết, khoa học, khách quan và đảm bảo tính chính xác. Quy định này nhằm đảm bảo việc xét xử không chỉ thực hiện các quy định của pháp luật mà còn phải đảm bảo sự khách quan, công bằng, bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo, tránh xét xử oan sai. Việc giám định hàm lượng có thể khó khăn, có thể kéo dài thời gian giải quyết các vụ án nhưng việc xét xử sẽ đúng người đúng tội”***.

Thực tế cho thấy, sau khi có Công văn 234 thì việc giám định hàm lượng cũng đã được thực hiện, kết quả cho thấy rất nhiều vụ án về ma túy qua giám định hàm lượng chất ma túy cho thấy đa phần các chất nghi là ma túy được thu giữ có hàm lượng ma túy là rất thấp có trường hợp chỉ hơn 10% là ma túy còn lại là tạp chất khác ví dụ như: Vụ án Nguyễn Văn Hoàn ở Bắc Ninh nếu truy tố theo trọng lượng ban đầu không giám định hàm lượng thì trọng lượng các chất ma túy quy đổi để truy cứu trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với bị cáo là trên 800gam Hêrôin, do vậy bị cáo đã bị tuyên phạt hình phạt tử hình. Sau khi Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, hủy án yêu cầu giám định thì trọng lượng ma túy thực chất chỉ là 186 gam Hêrôin còn lại là các tạp chất khác không phải là ma túy, nên chỉ tuyên bị cáo mức án tù chung thân. Thực tế ở Bắc Ninh, sau khi bắt buộc giám định hàm lượng ma túy của hàng chục vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy thì quy đổi ra đều chưa đến 0,1gam Hêrôin tức là chưa thỏa mãn về trọng lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên các vụ án này đã được đình chỉ.

Thực chất, qua nghiên cứu các hướng dẫn tại Thông tư 17 cũng thấy bộc lộ nhiều vấn đề vướng mắc cần phải có hướng dẫn cụ thể hơn để việc áp dụng pháp luật được thống nhất, đặc biệt đối với các vụ án ma túy mang tính truy xét không thu được vật chứng của vụ án. Chính vì vậy, các Cơ quan tố tụng Trung ương đã

nghiên cứu và ban hành Thông tư số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/12/2015 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08), sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư liên tịch số 17.

Qua nghiên cứu nội dung của Thông tư liên tịch số 08 chúng tôi thấy có những vướng mắc như sau:

Thứ nhất: Thông tư liên tịch số 08 sửa đổi, bổ sung tiết 1.4 mục 1 Phần I như sau:

“1.4. Trong mọi trường hợp, khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại và trọng lượng chất ma túy, tiền chất thu giữ được. Bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định trọng lượng chất ma túy trong các trường hợp sau:

a. Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch;

b. Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng;

c. Xái thuốc phiện;

d. Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d tiết 1.4 Mục này, nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật...”

Theo chúng tôi, việc hướng dẫn như trên thực chất chỉ tạo điều kiện cho Cơ quan điều tra và truy tố còn lại là gây khó khăn cho Tòa án khi xét xử và bộc lộ những vướng mắc như sau:

1. Trong các trường hợp bắt buộc phải giám định hàm lượng như đã nêu thì thực tế rất ít vụ án về ma túy khi chất ma túy bị thu giữ ở thể rắn mà lại được pha loãng ví dụ như Hêroin các đối tượng tàng trữ khi bị bắt thì các đối tượng này đã pha loãng để chích vào cơ thể, nếu khi giám định ra hàm lượng ma túy là bao nhiêu phần trăm thì tính quy đổi thành Hêroin nguyên chất sẽ quy đổi như thế nào? Hiện cũng chưa có hướng dẫn, trong khi mà Cơ quan điều tra thông thường chỉ giám định hàm lượng còn lại không quy đổi, chẳng lẽ chúng ta xét xử cả nước lã hoặc nước cất? Tương tự như vậy đối với ma túy ở thể lỏng được các đối tượng pha loãng thì quy đổi ra làm sao? Chưa nói đến hiện nay, xái thuốc phiện hầu như các đối tượng phạm tội về ma túy không bao giờ mua bán, cùng lắm chỉ là những đối tượng nghiện hút không có tiền buộc phải tàng trữ để sử dụng. Như vậy, việc quy định các trường hợp phải bắt buộc giám định như

hướng dẫn tại Thông tư 08 thì hầu như Cơ quan điều tra rất ít khi phải giám định hàm lượng.

Một vấn đề đặt ra nữa là: Tại sao chỉ “*Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể rắn được hòa thành dung dịch; Chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy ở thể lỏng đã được pha loãng; Xái thuốc phiện*” Thì phải giám định còn các chất ma túy khác có pha các chất khác lại không bắt buộc phải giám định như vậy có bảo đảm công bằng không?

2. Thông tư 08 hướng dẫn “...*Nếu có căn cứ và xét thấy cần thiết, Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định để bảo đảm cho việc xét xử đúng pháp luật...*”. Hướng dẫn như vậy, theo chúng tôi sẽ dẫn đến việc nhận thức và áp dụng pháp luật không thống nhất, dẫn đến việc Tòa án cấp trên có thể hủy án của Tòa án cấp dưới bất cứ lúc nào bởi lẽ: Về nguyên tắc xét xử thì đương nhiên phải bảo đảm nguyên tắc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật vậy hiểu thế nào là “*có căn cứ và xét thấy cần thiết...*”? Hướng dẫn như vậy liệu có phải là hướng dẫn mang tính tùy nghi, có thể cấp sơ thẩm bảo không cần thiết, xong cấp phúc thẩm hoặc giám đốc thẩm lại bảo là cần thiết thì sẽ hủy bản án. Chúng tôi nghĩ, đối với các vụ án về ma túy thì khi thu giữ được các chất nghi là ma túy thì lúc nào cũng cần thiết phải giám định hàm lượng chất ma túy và chỉ có vậy thì mới xét xử đúng pháp luật. Chúng ta không thể tuyên một bản án tử hình đối với một người khi họ mua bán ma túy mà lại chỉ có ba trăm gam là ma túy còn lại bảy trăm gam là bột sắn hoặc bột mỳ được! Nhất là hiện nay, rất nhiều trường hợp tàng trữ trái phép chất ma túy là Hêroin sau khi giám định hàm lượng thì lại không đủ trọng lượng trên 0,1g nếu căn cứ vào hướng dẫn tại tiết 3.6 của Thông tư 17 thì họ chỉ bị xử phạt hành chính, nhưng nay lại thuộc trường hợp không bắt buộc Cơ quan Điều tra, Truy tố phải giám định, nếu Tòa án cũng coi là không cần thiết và không đi giám định thì sẽ dẫn đến tình trạng oan sai trong tố tụng hình sự. Nhất là hiện nay, Việt Nam đã tham gia các Công ước quốc tế về quyền con người. Bởi vậy, trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử luôn phải bảo đảm sự công bằng, khách quan và quyền con người muốn vậy thì đối với các vụ án về ma túy việc giám định hàm lượng các chất ma túy là hết sức cần thiết.

Trường hợp Tòa án trực tiếp trưng cầu giám định hàm lượng, thì Cơ quan nào thực hiện việc đi giám định? Nếu Tòa án trưng cầu giám định hàm lượng mà lại phải trực tiếp liên hệ với Cơ quan giám định thì thủ tục xuất vật chứng từ Cơ quan thi hành án sẽ thực hiện như thế nào? Kinh phí giám định lấy ở đâu? Cơ quan giám định có gây khó khăn không? Có bảo đảm thời hạn xét xử hay không? Có vi phạm tố tụng không? Trong khi kết luận giám định là một trong những nguồn của chứng cứ mà Tòa án là cơ quan xét xử lại đi thu thập chứng cứ mà lại là chứng cứ buộc tội! Đây chính là những khó khăn mà Thông tư số 08

hướng dẫn đã dành cho Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn cụ thể.

Thứ hai: Trong Thông tư số 08 có hướng dẫn “...*Trường hợp không thu giữ được vật chứng là chất ma túy, tiền chất nhưng có căn cứ xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội danh và điều khoản tương ứng.*”

Hướng dẫn trên, theo chúng tôi nhằm khắc phục những vụ án về ma túy mang tính truy xét mà không thu giữ được vật chứng của vụ án là ma túy, nhưng hướng dẫn như vậy cũng chưa mang tính thuyết phục vì căn cứ nào để xác định được trọng lượng chất ma túy, tiền chất mà người phạm tội đã mua bán, vận chuyển, tàng trữ hoặc chiếm đoạt? Chắc chắn chỉ dựa vào lời khai của họ hoặc lời khai của các đồng phạm. Nhưng tính trọng lượng như thế nào khi mà tất cả các vụ án về ma túy mang tính truy xét, đa phần lời khai chỉ là bao nhiêu bánh Hêroin, căn cứ vào đâu để tính trọng lượng một bánh Hêroin là bao nhiêu gam, vì không có Cơ quan đo lường chất lượng nào quy định về vấn đề này, thực tế xét xử cũng cho thấy trọng lượng các bánh Hêroin thu giữ trong các vụ án về ma túy đã xét xử là không giống nhau có bánh là 350 gam, có bánh lại 300 gam hoặc ít hơn 300 gam... Nếu vậy việc xác định trọng lượng ma túy có chính xác không?

Thứ ba: Thông tư 08 cũng bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm đ tiết 3.7 Mục 3 Phần II là “*Người nào tàng trữ trái phép, vận chuyển trái phép một trong các chất ma túy có số lượng được hướng dẫn từ điểm a đến g tiểu mục 3.6 Mục 3 Phần II Thông tư này mà không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác, nhưng chứng minh được là nhằm mục đích sử dụng trái phép chất ma túy, tuy đã được giáo dục nhiều lần và đã bị xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 199 Bộ luật hình sự.*”. Bãi bỏ hướng dẫn tại điểm b tiết 7.3 Mục 7 Phần II là “*Người nghiện ma túy cho người nghiện ma túy khác cùng sử dụng trái phép chất ma túy tại địa điểm thuộc quyền sở hữu, chiếm hữu hoặc quản lý của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy...*” và Mục 8 Phần 2 là “*Tội sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Việc bãi bỏ những phần trên theo chúng tôi là hợp lý vì những phần trên liên quan đến tội “*sử dụng trái phép chất ma túy*” đã được phi tội phạm hóa từ năm 2009. Tuy nhiên, theo chúng tôi hướng dẫn tại điểm a tiết 6.2 Mục 6 Phần II là “*Người nghiện ma túy có chất ma túy (không phân biệt nguồn gốc ma túy do đâu mà có) cho người nghiện ma túy khác chất ma túy để cùng sử dụng trái phép*

thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mà tùy từng trường hợp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc tội sử dụng trái phép chất ma túy” cũng cần phải được bãi bỏ. Bởi lẽ, năm 2009, chúng ta đã sửa đổi Bộ luật hình sự theo hướng không coi hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là tội phạm cũng đã thể hiện sự nhân đạo đối với những người nghiện hút ma túy, mặc dù chúng ta đều biết người nghiện ma túy cũng là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác gây mất trật tự trị an. Xong như hướng dẫn tại Thông tư 17 thì vô hình dung những người nghiện ma túy ở một góc độ nào đó lại được “miễn trừ” về pháp luật điều đó là không công bằng. Trong khi hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đã được quy định trong BLHS là tội phạm thì tất cả những hành vi liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đều phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do vậy, những người nghiện hút ma túy tụ tập nhau lại để sử dụng ma túy cũng không thể được miễn trừ như hướng dẫn tại Thông tư 17 được mà cần phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Có như vậy, mới bảo đảm nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự cũng như giữ gìn trật tự trị an, hạn chế các tội phạm xã hội khác phát sinh từ chính những người nghiện, thực tế hiện nay tình trạng sử dụng ma túy tổng hợp gây ảo giác đang phổ biến và lan truyền rất nhanh, rất nhiều vụ án đặc biệt nghiêm trọng cũng xuất phát từ nguyên nhân sau khi sử dụng ma túy tổng hợp người nghiện xuất hiện ảo giác đã không làm chủ được bản thân dẫn đến phạm tội. Chúng ta thử hình dung một nhóm người nghiện tụ tập nhau cùng sử dụng ma túy rồi cùng nhau phạm tội thì hậu quả chúng gây ra cho xã hội sẽ nghiêm trọng đến đâu.

Trên đây là một số vướng mắc chúng tôi nêu ra xuất phát từ chính những hướng dẫn tại thông tư 08 rất mong có sự hướng dẫn kịp thời của Tòa án nhân dân tối cao.

hồi.

hực hiện Công điện số 04/ĐK ngày 23/10/2014 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an về việc thực hiện công tác giám định hàm lượng chất ma túy; Công văn số 234/TANDTC-HS ngày 17/9/2014 của Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai thực hiện Thông tư 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999, trong đó bắt buộc phải giám định hàm lượng của các chất ma túy trong các chất thu giữ nghi là chất ma túy, để lấy đó làm căn cứ kết tội các bị cáo theo quy định tại Chương XVIII Bộ luật hình sự năm 1999.

Do hiện nay chỉ có duy nhất Trung tâm Giám định Ma túy thuộc Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đủ điều kiện tiến hành giám định hàm lượng chất ma túy. Để giảm áp lực cho Viện Khoa học hình sự, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám định hàm lượng chất ma túy phục vụ kịp thời công tác điều tra, truy tố và xét xử tội phạm trên địa bàn tỉnh

1. Việc giám định chất ma túy chia làm 2 giai đoạn:

- **Giai đoạn 1:** Giám định xác định loại ma túy (định tính), trọng lượng chất ma túy do Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh thực hiện.

- **Giai đoạn 2:** Sau khi xác định được loại, trọng lượng chất ma túy, Cơ quan CSĐT phối hợp với Phòng Kỹ thuật hình sự trích mẫu (lấy mẫu đại diện, ngẫu nhiên) và tiến hành niêm phong theo đúng quy định. Cơ quan CSĐT ra Quyết định trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định xác định hàm lượng chất ma túy.

2. Cơ quan CSĐT phân loại các vụ án ma túy, trước mắt ưu tiên trưng cầu giám định hàm lượng chất ma túy thu giữ trong các vụ án đang chuẩn bị truy tố, xét xử, các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

3. Trao đổi thống nhất với Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân ở địa phương thống nhất khi giao nhận mẫu giám định hàm lượng chất ma túy tại Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an không cần có mặt bị can.

4. Hồ sơ và đối tượng trưng cầu giám định gồm:

- Quyết định trưng cầu giám định;
- Mẫu trích gửi giám định (niêm phong có chữ ký và dấu giáp lai);
- Biên bản trích mẫu giám định;
- Kết luận giám định định tính, trọng lượng chất ma túy của Phòng Kỹ thuật hình sự (bản photocopy).

Việc vận chuyển mẫu vật giám định hàm lượng chất ma túy do Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum thực hiện.

Đề nghị các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện.